

PHỤ LỤC 03
TỔNG HỢP THU, CHI TỪ NGUỒN CHO THUÊ ĐẤT CÔNG ÍCH
(Kèm theo Kết luận thanh tra số/KL-TTH ngày /2025 của Chánh thanh tra huyện)

Năm	Nội Dung	Thu	Chi	Chuyển nguồn
2021	Cho thuê giai đoạn 2021-2023	35.407.000		
	Thu từ bồi thường của dự án phân đất công ích	21.840.840		57.247.840
2022	Cho thuê giai đoạn 2022-2024	245.450.000		
	Sửa chữa kênh Gò Hầm		154.109.000	148.588.840
2023	Cho thuê giai đoạn 2023-2025	35.555.000		
	Sửa chữa kênh mương Bàu Sen xã Bình Trung		98.330.000	
	Sửa chữa nghĩa địa Nông Chuông		48.588.840	37.225.000
Cộng		338.252.840	301.027.840	37.225.000

PHỤ LỤC 04
BẢNG KÊ THU TIỀN CHO THUÊ ĐẤT CÔNG ÍCH CỦA UBND XÃ BÌNH TRUNG
GIẢI ĐOẠN 2021 - 2023

(Kèm theo Kết luận thanh tra số/KL-TTH ngày / 2025 của Chánh thanh tra huyện)

TT	Họ và tên	Số seri	Quyền số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	XÓM 2 TIỀN ĐÀO				3.020.000	10.350	17			
1	Nguyễn Tấn Thành	0001934	39/41	01/11/2021	600.000	3600	559+560	18	600.000	04/11/2021 đến 04/11/2023
2	Nguyễn Văn Tính	0001928	39/41	01/11/2021	140.000	500	67	18	140.000	
3	Nguyễn Tấn Thành	0001933	39/41	01/11/2021	300.000	800	1514+1515	15	300.000	
4	Nguyễn Thị Pháp	0001935	39/41	01/11/2021	200.000	900	855+856	18	200.000	
5	Nguyễn Thư	0001929	39/41	01/11/2021	30.000	400	875	18	30.000	
6	Trần Thị Hà	0001926	39/41	01/11/2021	100.000	500	693	18	100.000	
7	Tô Thị Thuý	0001925	39/41	01/11/2021	500.000	600	561	18	500.000	
8	Nguyễn Tấn Thành	0001932	39/41	01/11/2021	600.000	600	822	18	600.000	
9	Võ Thị Yến	0001927	39/41	01/11/2021	100.000	300	515	18	100.000	
10	Lê Thị Thắm	0001931	39/41	01/11/2021	200.000	250	515	18	200.000	
11	Nguyễn Thư	0001929	39/41	01/11/2021	50.000	400	875	18	50.000	
12	Nguyễn Văn Tính	0001930	39/41	01/11/2021	150.000	1100	903	18	150.000	
13	Nguyễn Thị Pháp	0001936	39/41	01/11/2021	50.000	400	1516+1517	15	50.000	
II	XÓM 3 TIỀN ĐÀO				650.000	4.743	9			
1	Phan Thanh Tùng	0001941	39/41	05/11/2021	150.000	520			150.000	03/11/2021 đến 03/11/2023
2	Lương Thanh	0001921	39/41	01/11/2021	155.000	720			155.000	
3	Lương Thanh	0001922	39/41	01/11/2021	175.000	990			175.000	
4	Lương Thanh	0001923	39/41	01/11/2021	20.000	360			20.000	
5	Lương Thanh	0001924	39/41	01/11/2021	150.000	300			150.000	
6	Phụ nữ					600	2382	22		
7	Tổ tự quản					300	2382	22		
8	Cao tuổi					451	1059	18		

TT	Họ và tên	Số seri	Quyền số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
9	Nông dân					502	1236	18		
III	XÓM 4 TIỀN ĐÀO				1.790.000	11.950	15			
1	Trịnh Văn Đồng	0034910	699/41	02/11/2021	200.000	800	1636	21	200.000	02/11/2021 đến 02/11/2023
2	Nguyễn Dũng	0001915	39/41	01/11/2021	200.000	800	1676	16	200.000	
3	Nguyễn Duy Hải	0001909	39/41	01/11/2021	150.000	600			150.000	
4	Nguyễn Dũng	0001916	39/41	01/11/2021	150.000	800	1268	15	150.000	
5	Nguyễn Dũng	0001918	39/41	01/11/2021	350.000	2000	1642	16	350.000	
6	Phạm Ngọc Anh	0001913	39/41	01/11/2021	20.000	400	1643	16	20.000	
7	Nguyễn Thị Thu Nguyệt	0001914	39/41	01/11/2021	100.000	1200			100.000	
8	Phạm Ngọc Anh	0001912	39/41	01/11/2021	100.000	1500			100.000	
9	Nguyễn Dũng	0001919	39/41	01/11/2021	100.000	800	1268	15	100.000	
10	Nguyễn Dũng	0001910	39/41	01/11/2021	100.000	600			100.000	
11	Nguyễn Duy Hải	0034950	699/41	02/11/2021	100.000	800			100.000	
12	Nguyễn Dũng	0001917	39/41	01/11/2021	20.000	250	1671	16	20.000	
13	Lê Thị Hồng	0034949	699/41	02/11/2021	50.000	400			50.000	
14	Nguyễn Dũng	0001920	39/41	01/11/2021	50.000	400			50.000	
15	Nguyễn Văn Hoa	0001911	39/41	01/11/2021	100.000	600	1611	16	100.000	ko HĐ
IV	XÓM 5 TÂY THUẬN				2.570.000	12.250	36			
1	Châu Phước Dương	00014877	298/41	14/10/2021	30.000	400	308	20	30.000	06/11/2021 đến 06/11/2023
2	Nguyễn Lâm	00014878	298/41	14/10/2021	20.000	500	269	20	20.000	
3	Trần Hành	00014879	298/41	14/10/2021	20.000	400	166+251	20	20.000	
4	Trần Hành	00014880	298/41	14/10/2021	20.000	800	818	20	20.000	
5	Lê Hữu Tú	00014881	298/41	14/10/2021	200.000	400	1761	20	200.000	
6	Huỳnh Thị Lệ	00014882	298/41	14/10/2021	100.000	400	353	20	100.000	
7	Phạm Trọng	00014883	298/41	14/10/2021	100.000	400	351	20	100.000	
8	Lê Hữu Tú	00014884	298/41	14/10/2021	100.000	400	1762	15	100.000	
9	Huỳnh Đình Liêm	00014885	298/41	14/10/2021	150.000	500	221+222+223	20	150.000	
10	Lê Hữu Tú	00014886	298/41	14/10/2021	50.000	200	1895+1894	20	50.000	
11	Đặng Ái	00014887	298/41	14/10/2021	50.000	400	147	20	50.000	
12	Đặng Đức	00014888	298/41	14/10/2021	50.000	400	1890	20	50.000	

TT	Họ và tên	Số seri	Quyền số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
13	Huỳnh Lũy	00014889	298/41	14/10/2021	100.000	600	148	20	100.000	
14	Trần Hiệp	00014890	298/41	14/10/2021	50.000	300	185	20	50.000	
15	Huỳnh Triển	00014891	298/41	14/10/2021	420.000	1300	15+1506+1507	20	420.000	
16	Nguyễn Tường	00014892	298/41	14/10/2021	50.000	200	351	20	50.000	
17	Huỳnh Dung	00014893	298/41	14/10/2021	50.000	200	932	20	50.000	
18	Huỳnh Dung	00014893	298/41	14/10/2021	50.000	500	1751	20	50.000	
19	Nguyễn Lâm	00014894	298/41	14/10/2021	100.000	400	358	20	100.000	
20	Võ Minh Vương	00014895	298/41	14/10/2021	100.000	300	445	20	100.000	
21	Đặng Quế	00014896	298/41	14/10/2021	80.000	250	444	20	80.000	
22	Nguyễn Văn Hoà	00014897	298/41	14/10/2021	150.000	500	443	20	150.000	
23	Lê Tấn Việt	00014898	298/41	14/10/2021	100.000	300	370	21	100.000	
24	Lê Tấn Việt	00014898	298/41	14/10/2021	50.000	200	370	21	50.000	
25	Lê Tấn Việt	00014898	298/41	14/10/2021	100.000	400	1789	21	100.000	
26	Nguyễn Thanh Cầm	00014899	298/41	14/10/2021	80.000	600	1791	21	80.000	
27	Nguyễn Thanh Cầm	00014899	298/41	14/10/2021	50.000	200	121	20	50.000	
28	Nguyễn Văn Bình	00014900	298/41	14/10/2021	100.000	400	1790	21	100.000	
29	Huỳnh Nôi	00014997	40/41	07/11/2021	50.000	400	1286+1387	21	50.000	
V	XÓM MỚI TÂY THUẬN				3.054.000	30.140	74			
1	Lê Thủy	0001970	40/41	07/11/2021	77.000	774	357	14	77.000	22/11/2021 đến 22/11/2023
2	Phan Tri	0001989	40/41	07/11/2021	95.000	623	441	14	95.000	
3	Phan Tri					324	486	14		
4	Phạm Toàn	0001972	40/41	07/11/2021	35.000	349	337	14	35.000	
5	Phan Văn Minh	0001990	40/41	07/11/2021	25.000	225	156	14	25.000	
6	Nguyễn Tấn	0001971	40/41	07/11/2021	160.000	564	158	14	160.000	
7	Nguyễn Tấn					429	419+484	14		
8	Nguyễn Tấn					360	535	14		
9	Trịnh Phú Cường	0001975	40/41	07/11/2021	75.000	403	414	14	75.000	
10	Trịnh Phú Cường					361	453	14		
11	Nguyễn Văn Ninh	0001991	40/41	07/11/2021	180.000	273	178	14	180.000	
12	Nguyễn Văn Ninh					513	179	14		

TT	Họ và tên	Số seri	Quyền số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
13	Nguyễn Văn Ninh					1014	180	14		
14	Bùi Văn Phong	0001986	40/41	07/11/2021	40.000	174	362	14	40.000	
15	Bùi Văn Phong					215	167	14		
16	Huỳnh Đình Nguyên	0001988	40/41	07/11/2021		170	137	14		
17	Huỳnh Đình Nguyên				80.000	181	359	14	80.000	
18	Huỳnh Đình Nguyên					419	421	14		
19	Tạ Đình Trường	0001982	40/41	07/11/2021		551	152+153	14	230.000	
20	Tạ Đình Trường				230.000	521	154+159	14		
21	Tạ Đình Trường					316	412+462	14		
22	Tạ Đình Trường					925	532	14		
23	Lê Minh Hữu	0001992	40/41	07/11/2021	120.000	342	408	14	120.000	
24	Lê Minh Hữu					418	447	14		
25	Lê Minh Hữu					454				
26	Lê Văn Hải	0001987	40/41	07/11/2021	125.000	639	215+347	14	125.000	
27	Lê Văn Hải					596	548	14		
28	Lê Minh Hiền	0001996	40/41	07/11/2021	205.000	380	368	14	205.000	
29	Lê Minh Hiền					361	417+505	14		
30	Lê Minh Hiền					1320	550+551	14		
31	Bùi Thự	0001994	40/41	07/11/2021	95.000	384	117	14	95.000	
32	Bùi Thự					580	415	14		
33	Nguyễn Thị Cúc	0001979	40/41	07/11/2021	136.000	337	444	14	136.000	
34	Nguyễn Thị Cúc					379	369	14		
35	Nguyễn Thị Cúc					645	175	14		
36	Trịnh Toàn	0001973	40/41	07/11/2021	144.000	1174	372	14	144.000	
37	Trịnh Toàn					268	411	14		
38	Phạm Hùng	0001995	40/41	07/11/2021	130.000	258	413	14	130.000	
39	Phạm Hùng					229	416	14		
40	Phạm Hùng					814	488+489	14		
41	Trịnh Tùng	0001985	40/41	07/11/2021	40.000	377	261	14	40.000	
42	Nguyễn Sửu	0001984	40/41	07/11/2021	60.000	330	140	14	60.000	

TT	Họ và tên	Số seri	Quyền số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
43	Nguyễn Sửu				60.000	254	155	14		
44	Nguyễn Công	0001980	40/41	07/11/2021	40.000	388	199	14	40.000	
45	Nguyễn Thê	0001981	40/41	07/11/2021	100.000	668	668	14	100.000	
46	Nguyễn Thê					330	330	14		
47	Phạm Ngọc	0001983	40/41	07/11/2021	90.000	432	563	14	90.000	
48	Phạm Ngọc					451	564	14		
49	Nguyễn Đức	0002013	41/46	26/11/2021	145.000	790	529	14	145.000	Thiếu Hợp đồng
50	Nguyễn Đức					635	530	14		
51	Trịnh Phú Đức	0001977	40/41	07/11/2021	70.000	275	174	14	70.000	
52	Trịnh Phú Đức					408	364	14		
53	Nguyễn Dân	0001993	40/41	07/11/2021	135.000	231	443	14	135.000	
54	Nguyễn Dân					390	463	14		
55	Nguyễn Dân					337	531	14		
56	Nguyễn Dân					379	549	14		
57	Nguyễn Châu	0001974	40/41	07/11/2021	75.000	757	547	14	75.000	
58	Lê Thị Xử	0001978	40/41	07/11/2021	142.000	574	358	14	142.000	
59	Lê Thị Xử					331	239	14		
60	Lê Thị Xử					270	339	14		
61	Lê Thị Xử					247		14		
62	Phạm Thị Loan	0001976	40/41	07/11/2021	55.000	210	210	14	55.000	
63	Phạm Thị Loan					329	329	14		
64	Phan Lê	0002011	41/46	26/11/2021	150.000	294	294	14	150.000	Thiếu Hợp đồng
65	Phan Lê					265	265	14		
66	Phan Lê					926	926	14		
VI	TỔ 2 CHỈ TRUNG				2.100.000	15.258	28			
1	Đặng Thị Cồn	00014950	299/41	28/10/2021	100.000	1400			100.000	29/10/2021 đến 29/10/2023
2	Phạm Thới	00014947	299/41	28/10/2021	100.000	1400			100.000	
3	Phạm Lực	00014948	299/41	28/10/2021	100.000	1000			100.000	
4	Võ Tịnh	00014949	299/41	28/10/2021	50.000	500			50.000	
5	Phạm Lực	00034911	699/41	02/11/2021	100.000	543			100.000	

TT	Họ và tên	Số seri	Quyền số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
6	Lữ Văn Tiến	00034912	699/41	02/11/2021	100.000	543			100.000	
7	Phạm Chinh	00034913	699/41	02/11/2021	100.000	482			100.000	
8	Phạm Chinh	00034914	699/41	02/11/2021	20.000	213			20.000	
9	Võ Thời	00034915	699/41	02/11/2021	100.000	557			100.000	
10	Tăng Thị Kháng	00034916	699/41	02/11/2021	100.000	558			100.000	
11	Lê Văn Tiến	00034917	699/41	02/11/2021	50.000	360			50.000	
12	Võ Thị Ty	00034918	699/41	02/11/2021	100.000	450			100.000	
13	Huỳnh Phương	00034919	699/41	02/11/2021	50.000	370			50.000	
14	Phạm Thanh Trung	00034920	699/41	02/11/2021	50.000	250			50.000	
15	Trịnh Chung	00034921	699/41	02/11/2021	50.000	400			50.000	
16	Cao Vương	00034922	699/41	02/11/2021	100.000	400			100.000	
17	Lê Văn Tiến	00034923	699/41	02/11/2021	200.000	920			200.000	
18	Tăng Văn Chiêu	00034924	699/41	02/11/2021	50.000	314			50.000	
19	Phạm Chinh	00034925	699/41	02/11/2021	20.000	119			20.000	
20	Huỳnh Tánh	00034926	699/41	02/11/2021	20.000	116			20.000	
21	Tăng Văn Chiêu	00034927	699/41	02/11/2021	50.000	292			50.000	
22	Cù Thuật	00034928	699/41	02/11/2021	50.000	359			50.000	
23	Phạm Thanh Trung	00034929	699/41	02/11/2021	50.000	340			50.000	
24	Huỳnh Thanh Trung	00034930	699/41	02/11/2021	100.000	750			100.000	
25	Huỳnh Ty	00034931	699/41	02/11/2021	20.000	270			20.000	
26	Cù Dũng	00034932	699/41	02/11/2021	20.000	370			20.000	
27	Tăng Văn Chiêu	00034933	699/41	02/11/2021	50.000	532			50.000	
28	Trịnh Dũng	00034934	699/41	02/11/2021	200.000	1450			200.000	
VII	TỔ 4 CHỈ TRUNG				4.800.000	21.523	46			
1	Nguyễn Thị Tri	00014903	299/41	28/10/2021	30.000	350	1746	6	30.000	17/10/2021 đến 27/10/2023
2	Nguyễn Thị Một	00014904	299/41	28/10/2021	300.000	495	1963	6	300.000	
3	Nguyễn Thị Kim Loan	00014905	299/41	28/10/2021	10.000	490	1294	6	10.000	
4	Nguyễn Kim	00014906	299/41	28/10/2021	30.000	300			30.000	
5	Lê Thị Kim Phụng	00014907	299/41	28/10/2021	310.000	674			310.000	
6	Phạm Thị Quyết	00014909	299/41	28/10/2021	20.000	120	2248	6	20.000	

TT	Họ và tên	Số seri	Quyền số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
7	Nguyễn Tài	00014910	299/41	28/10/2021	20.000	100	2131	6	20.000	
8	Huỳnh Ngọc Tùng	00014911	299/41	28/10/2021	20.000	170	431	6	20.000	
9	Nguyễn Tư	00014912	299/41	28/10/2021	50.000	500	1542+1574	5	50.000	
10	Nguyễn Tư	00014913	299/41	28/10/2021	20.000	700			20.000	
11	Trần Thị Thuỷ	00014914	299/41	28/10/2021	200.000	410			200.000	
12	Phạm Văn Ngọc	00014915	299/41	28/10/2021	30.000	450			30.000	
13	Phạm Thanh Nhật	00014916	299/41	28/10/2021	30.000	416			30.000	
14	Huỳnh Lương	00014917	299/41	28/10/2021	30.000	410			30.000	
15	Phạm Thị Thuận	00014918	299/41	28/10/2021	20.000	150			20.000	
16	Nguyễn Kim	00014919	299/41	28/10/2021	100.000	650			100.000	
17	Thái Thị Thảo	00014920	299/41	28/10/2021	750.000	770			750.000	
18	Nguyễn Thị Tùng	00014946	299/41	28/10/2021	50.000	350			50.000	
19	Phạm Tấn	00014921	299/41	28/10/2021	20.000	500			20.000	
20	Nguyễn Thị Dụn	00014922	299/41	28/10/2021	10.000	500			10.000	
21	Nguyễn Bình	00014923	299/41	28/10/2021	550.000	400			550.000	
22	Nguyễn Bình					750				
23	Lâm Ngọc Nguyệt	00014924	299/41	28/10/2021	20.000	270			20.000	
24	Nguyễn Thị Vương	00014926	299/41	28/10/2021	100.000	500			100.000	
25	Phạm Thị Phán	00014925	299/41	28/10/2021	20.000	120			20.000	
26	Huỳnh Ngọc Quang	00014927	299/41	28/10/2021	50.000	300			50.000	
27	Nguyễn Thanh Nhật	00014928	299/41	28/10/2021	50000	350			50000	
28	Nguyễn Thị Nhựt	00014929	299/41	28/10/2021	10.000	400			10.000	
29	Phạm Thị Thanh	00014930	299/41	28/10/2021	200.000	638	1911	5	200.000	
30	Nguyễn Tư	00014931	299/41	28/10/2021	300.000	600	1995	5	300.000	
31	Đỗ Hữu Vân	00014934	299/41	28/10/2021	50.000	410	1994	5	50.000	
32	Nguyễn Thị Hữu	00014932	299/41	28/10/2021	20.000	300	1	16	20.000	
33	Nguyễn Thị Toàn	00014933	299/41	28/10/2021	20.000	500	2100+2102	5	20.000	
34	Lộ Ngọc Quang	00014939	299/41	28/10/2021	100.000	520	1833	5	100.000	
35	Nguyễn Thị Tùng	00014941	299/41	28/10/2021	600.000	800	2136	6	600.000	
36	Trần Ngọc Lê	00014935	299/41	28/10/2021	100.000	600			100.000	

TT	Họ và tên	Số seri	Quyền số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
37	Huỳnh Lương	00014936	299/41	28/10/2021	10.000	300			10.000	
38	Huỳnh Trương	00014937	299/41	28/10/2021	60.000	460			60.000	
39	Trần Thị Thuỷ	00014938	299/41	28/10/2021	150.000	400			150.000	
40	Nguyễn Thị Tùng	00014940	299/41	28/10/2021	20.000	400			20.000	
41	Phạm Thọ	00014942	299/41	28/10/2021	20.000	500			20.000	
42	Huỳnh Ngọc Tùng	00014943	299/41	28/10/2021	100.000	1000			100.000	Nông dân
43	Nguyễn Thị Tùng	00014945	299/41	28/10/2021	100.000	1500	1855	5	100.000	Phụ nữ
44	Lê Thị Lan (Cao Tuổi)	00014944	299/41	28/10/2021	100.000	1000			100.000	cao tuổi
VIII	TỔ 1 CHỈ THÀNH				3.970.000	47.387	104			
1	Nguyễn Đề	0001801	37/41	31/10/2021	30.000	380	287	6	30.000	31/10/2021 đến 31/10/2023
2	Huỳnh Thị Thuỷ	0001802	37/41	31/10/2021	20.000	250	248	6	20.000	
3	Phạm Sỹ	0001803	37/41	31/10/2021	100.000	150	98	5	100.000	
4	Huỳnh Văn Sơn	0001804	37/41	31/10/2021	10.000	150	1737	5	10.000	
5	Phạm Hậu	0001805	37/41	31/10/2021	50.000	533	1827	5	50.000	
6	Cù Minh Hoà	0001806	37/41	31/10/2021	20.000	200	1631	5	20.000	
7	Nguyễn Tấn Tạo	0001807	37/41	31/10/2021	30.000	512	1661	5	30.000	
8	Nguyễn Trang	0001808	37/41	31/10/2021	20.000	200	1658	5	20.000	
9	Võ Châu	0001809	37/41	31/10/2021	40.000	350	1638	5	40.000	
10	Cao văn Lý	0001810	37/41	31/10/2021	50.000	667	1573	5	50.000	
11	Nguyễn Kỳ	0001811	37/41	31/10/2021	30.000	340	1654	5	30.000	
12	Nguyễn Văn Mạnh	0001812	37/41	31/10/2021	30.000	630	1741	5	30.000	
13	Phạm Thành	0001813	37/41	31/10/2021	20.000	250	1824	5	20.000	
14	Cao Văn Khanh	0001814	37/41	31/10/2021	40.000	540	1622	5	40.000	
15	Bùi Thị Lạc	0001815	37/41	31/10/2021	20.000	363	1725	5	20.000	
16	Phạm Thị Tuân	0001816	37/41	31/10/2021	20.000	200	1621	5	20.000	
17	Phạm Cúc	0001817	37/41	31/10/2021	40.000	510	363	5	40.000	
18	Cao Văn Thái	0001818	37/41	31/10/2021	30.000	360	1624	5	30.000	
19	Phạm Thị Phổ	0001819	37/41	31/10/2021	30.000	510	340	6	30.000	
20	Lê Văn Phước	0001820	37/41	31/10/2021	20.000	250	415	6	20.000	
21	Nguyễn Khanh	0001821	37/41	31/10/2021	20.000	253	248	6	20.000	

TT	Họ và tên	Số seri	Quyền số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
22	Phạm Sỹ	0001822	37/41	31/10/2021	150.000	550	1726	5	150.000	
23	Lâm Thị Luyến	0001823	37/41	31/10/2021	20.000	200	1665	5	20.000	
24	Phạm Hà	0001824	37/41	31/10/2021	40.000	540	291	15	40.000	
25	Nguyễn Kiều	0001825	37/41	31/10/2021	40.000	500	262	15	40.000	
26	Phạm Thị Phổ	0001826	37/41	31/10/2021	20.000	400	327	1	20.000	
27	Cao Văn Thái	0001827	37/41	31/10/2021	20.000	412	291	1	20.000	
28	Phạm Ngọc Thuy	0001828	37/41	31/10/2021	10.000	100	577	5	10.000	
29	Nguyễn Tấn Cầm	0001829	37/41	31/10/2021	20.000	250	347	6	20.000	
30	Nguyễn Viết Thanh	0001830	37/41	31/10/2021	30.000	457	257	6	30.000	
31	Nguyễn Khanh	0001831	37/41	31/10/2021	20.000	337	290	6	20.000	
32	Nguyễn Nam	0001832	37/41	31/10/2021	50.000	580	434	6	50.000	
33	Cao Văn Lý	0001833	37/41	31/10/2021	30.000	514	637	5	30.000	
34	Cao Văn Biên	0001834	37/41	31/10/2021	20.000	359	581	5	20.000	
35	Phạm Thanh Tùng	0001835	37/41	31/10/2021	10.000	180	414	6	10.000	
36	Phạm Thanh Tùng	0001836	37/41	31/10/2021	10.000	200	3	1	10.000	
37	Đoàn Thanh Quý	0001837	37/41	31/10/2021	50.000	500	1673	5	50.000	
38	Đoàn Thanh Quý	0001838	37/41	31/10/2021	40.000	278	1659	5	40.000	
39	Phạm Ngọc Thuy	0001839	37/41	31/10/2021	30.000	380	1825	5	30.000	
40	Cao Văn Chương	0001840	37/41	31/10/2021	10.000	200	1568	5	10.000	
41	Cao Văn Phường	0001841	37/41	31/10/2021	20.000	350	420	6	20.000	
42	Trịnh Thị Nhung	0001842	37/41	31/10/2021	30.000	378	329	6	30.000	
43	Trịnh Thị Nhung	0001843	37/41	31/10/2021	10.000	200	282	6	10.000	
44	Nguyễn Khanh	0001844	37/41	31/10/2021	10.000	243	289	6	10.000	
45	Cao Thị Tùng	0001845	37/41	31/10/2021	10.000	200	33	5	10.000	
46	Phạm Thái Bình	0001846	37/41	31/10/2021	20.000	230	496	6	20.000	
47	Phạm Ngọc Thuy	0001847	37/41	31/10/2021	10.000	560	42	1	10.000	
48	Phạm Sỹ	0001848	37/41	31/10/2021	30.000	320	142	5	30.000	
49	Phạm Ngọc Thuy	0001849	37/41	31/10/2021	20.000	200	37	1	20.000	
50	Cao Văn Khanh				0	300	144	5	10.000	đào ao
51	Phạm Thị Phổ	0001850	37/41	31/10/2021	50.000	533	175	5	50.000	

TT	Họ và tên	Số seri	Quyền số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
52	Phạm Thanh Tùng	0001851	38/41	31/10/2021	20.000	550	2	1	20.000	
53	Nguyễn Văn Mạnh	0001852	38/41	31/10/2021	20.000	400	4	1	20.000	
54	Nguyễn Khanh	0001853	38/41	31/10/2021	20.000	210	252	6	20.000	
55	Nguyễn Việt Thanh	0001854	38/41	31/10/2021	40.000	592	255	6	40.000	
56	Bùi Thị Lạc	0001855	38/41	31/10/2021	20.000	300	89	1	20.000	
57	Nguyễn Đễ	0001856	38/41	31/10/2021	30.000	400	287	6	30.000	
58	Nguyễn Khả Luyện	0001857	38/41	31/10/2021	20.000	300	14	1	20.000	
59	Võ Thị Thu	0001858	38/41	31/10/2021	10.000	200	61	1	10.000	
60	Nguyễn Khanh	0001859	38/41	31/10/2021	30.000	250	283	6	30.000	
61	Cao Văn Lý	0001860	38/41	31/10/2021	20.000	250	76	1	20.000	
62	Nguyễn Kiều	0001861	38/41	31/10/2021	20.000	357	284	6	20.000	
63	Phạm Thái Đào	0001862	38/41	31/10/2021	10.000	101	196	5	10.000	
64	Phạm Thái Đào	0001863	38/41	31/10/2021	10.000	150	75	1	10.000	
65	Cao Văn Thái	0001864	38/41	31/10/2021	20.000	340	144	5	20.000	
66	Trịnh Thị Cửu	0001865	38/41	31/10/2021	20.000	310	95	1	20.000	
67	Huỳnh Tấn Lực	0001866	38/41	31/10/2021	20.000	360	15	1	20.000	
68	Phạm Đình Phước	0001868	38/41	31/10/2021	10.000	199	50	1	10.000	
69	Phạm Thành	0001869	38/41	31/10/2021	10.000	300	91	1	10.000	
70	Nguyễn Thị Hoa	0001870	38/41	31/10/2021	20.000	300	180	1	20.000	
71	Phạm Thanh Tùng	0001871	38/41	31/10/2021	20.000	500	2	1	20.000	
72	Phạm Thanh Tùng	0001872	38/41	31/10/2021	50.000	100	1	1	50.000	
73	Phạm Thị Thiệu	0001873	38/41	31/10/2021	20.000	180	164	1	20.000	
74	Huỳnh Thị Nhân	0001874	38/41	31/10/2021	20.000	260	269	1	20.000	
75	Lê Thị Hương	0001875	38/41	31/10/2021	20.000	351	96	1	20.000	
76	Phạm Cúc	0001876	38/41	31/10/2021	30.000	717	36	5	30.000	
77	Võ Châu	0001877	38/41	31/10/2021	40.000	630	216	1	40.000	
78	Đoàn Thanh Quý	0001878	38/41	31/10/2021	10.000	110	146	1	10.000	
79	Phạm Hà	0001879	38/41	31/10/2021	10.000	210	23	1	10.000	
80	Huỳnh Thị Thuỷ	0001880	38/41	31/10/2021	20.000	390			20.000	
81	Cao Văn Khanh	0001881	38/41	31/10/2021	10.000	320			10.000	Thiếu HĐ

TT	Họ và tên	Số seri	Quyền số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
82	Nguyễn Khanh	0001882	38/41	31/10/2021	30.000	500	253	6	30.000	
83	Cao Văn Lý	0001883	38/41	31/10/2021	20.000	273	149	5	20.000	
84	Cù Minh Hoà	0001884	38/41	31/10/2021	30.000	100	11	1	30.000	
85	Nguyễn Kỳ	0001885	38/41	31/10/2021	20.000	390	21	1	20.000	
86	Phạm Thái Bình	0001886	38/41	31/10/2021	10.000	400	292	1	10.000	
87	Phạm Thái Đào	0001887	38/41	31/10/2021	10.000	210	88	1	10.000	
88	Nguyễn Kỳ	0001888	38/41	31/10/2021	10.000	120	31	1	10.000	
89	Cao Văn Phường	0001889	38/41	31/10/2021	20.000	302	185	1	20.000	
90	Phạm Cúc	0034935	699/41	02/11/2021	20.000	390	197	5	20.000	
91	Huỳnh Chinh	0001890	38/41	31/10/2021	10.000	201	121	5	10.000	
92	Nguyễn Khanh	0034936	699/41	02/11/2021	10.000	250	288	6	10.000	
93	Cao Văn Phường	0034937	699/41	02/11/2021	10.000	490	187	1	10.000	
94	Trịnh Thị Nhung	0034938	699/41	02/11/2021	10.000	400	135	1	10.000	
95	Nguyễn Tấn Cầm	0034939	699/41	02/11/2021	20.000	370	4	1	20.000	
96	Nguyễn Tấn Tạo	0034940	699/41	02/11/2021	20.000	445	34	1	20.000	
97	Nguyễn Khanh	0034941	699/41	02/11/2021	10.000	500			10.000	
98	Huỳnh Thị Đào	0034942	699/41	02/11/2021	10.000	210			10.000	
99	Nguyễn Khanh	0034943	699/41	02/11/2021	1.500.000	10600			1.500.000	
100	Phạm Thành	0034948	699/41	02/11/2021	10.000	300			10.000	
101	Phạm Vinh	0034947	699/41	02/11/2021	30.000	500			30.000	
102	Phạm Mẹo	0034944	699/41	02/11/2021	10.000	500			10.000	Nông dân
103	Nguyễn Khanh				0	500			10.000	Xóm
104	Cao Văn Phường	0034945	699/41	02/11/2021	20.000	1000			20.000	Cao tuổi
105	Trịnh Thị Nhung	0034946	699/41	02/11/2021	10.000	750			10.000	Phụ nữ
IX	XÓM MỚI PHÚ LỄ 2				580.000	6.952	18			
1	Võ Công Bốn	0001891	38/41	31/10/2021	30.000	400	644	4	30.000	01/11/2021 đến 01/11/2023
2	Võ Công Bốn	0001892	38/41	31/10/2021	100.000	450	660	4	100.000	
3	Thới Văn Phúc	0001893	38/41	31/10/2021	20.000	500	661	3	20.000	
4	Cù Văn Hùng	0001894	38/41	31/10/2021	50.000	420	643	4	50.000	
5	Bùi Hùng	0001895	38/41	31/10/2021	30.000	200	648	15	30.000	

TT	Họ và tên	Số seri	Quyền số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
6	Bùi Hùng	0001896	38/41	31/10/2021	10.000	200	648	15	10.000	
7	Nguyễn Đức	0001897	38/41	31/10/2021	20.000	400	583	15	20.000	
8	Phạm Đồng	0001898	38/41	31/10/2021	30.000	400	554	15	30.000	
9	Bùi Văn Liên	0001899	38/41	31/10/2021	30.000	400	498	15	30.000	
10	Đinh Hương	0001900	38/41	31/10/2021	50.000	750	499	15	50.000	
11	Nguyễn Tài	0001901	39/41	01/11/2021	30.000	500	500	15	30.000	
12	Hồ Thuỷ	0001902	39/41	01/11/2021	30.000	500	500	15	30.000	
13	Hồ Thuỷ	0001905	39/41	01/11/2021	10.000	0	0	0	10.000	
13	Hồ Văn Linh	0001903	39/41	01/11/2021	20.000	300	63	14	20.000	
14	Tăng Văn Chiến	0001904	39/41	01/11/2021	20.000	260	496+497	15	20.000	
15	Hồ Văn Thọ	0001906	39/41	01/11/2021	40.000	200	342	15	40.000	
16	Cù Minh Sơn	0001907	39/41	01/11/2021	30.000	534	401	15	30.000	
17	Bùi Văn Nhung	0001908	39/41	01/11/2021	30.000	538	417	15	30.000	
X	PHÚ LỘC				1.400.000	1.943	4			
1	Võ Thiện	0001937	39/41	01/11/2021	400.000	500			400.000	05/11/2021 đến 05/11/2023
2	Tạ Đình Công	0001938	39/41	01/11/2021	400.000	596			400.000	05/11/2021 đến 05/11/2023
3	Nguyễn Tự Lê	0001939	39/41	01/11/2021	400.000	524			400.000	05/11/2021 đến 05/11/2023
4	Bùi Thanh Sơn	0001940	39/41	01/11/2021	200.000	323			200.000	05/11/2021 đến 05/11/2023
XI	VEN MUÔNG				1.100.000	1.714	10			
1	Phạm Văn Việt	0001967	40/41	08/11/2021	10.000	150	1199	6	10.000	28/10/2021- 27/10/2023
2	Võ Đình Độ					150			10.000	
3	Trịnh Thị Thuỷ	0001998	40/46	22/11/2021	50.000	70			50.000	02/01/2021- 31/12/2023
4	Nguyễn Vũ Tuấn	0001999	40/46	22/11/2021	100.000	135			100.000	02/01/2021- 31/12/2023
5	Phạm Thịnh	0002000	40/46	22/11/2021	150.000	200			150.000	02/01/2021- 31/12/2023
6	Phạm Quang Tuấn	0002006	41/46	26/11/2021	150.000	190			150.000	02/01/2021- 31/12/2023

TT	Họ và tên	Số seri	Quyền số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
7	Lê Thị Hoá	0002007	41/46	26/11/2021	100.000	150			100.000	02/01/2021- 31/12/2023
8	Trịnh Thị Dung	0002008	41/46	26/11/2021	200.000	250			200.000	02/01/2021- 31/12/2023
9	Võ Minh Cảnh	0002009	41/46	26/11/2021	90.000	119			90.000	02/01/2021- 31/12/2023
10	Nguyễn Văn Mạnh	0002010	41/46	26/11/2021	240.000	300			240.000	02/01/2021- 31/12/2023
XII	RUỘNG KHẤU				2.925.000	8.502	26			
1	Phạm Phúc	0039591	792/5	5/01/2021	125.000	327			125.000	Không có hợp đồng
2	Phạm Quýt	0039592	792/5	5/01/2021	125.000	327			125.000	"
3	Trần Kim Hồng	0039593	792/5	5/01/2021	125.000	327	1038	5	125.000	"
4	Đỗ Văn Ánh	0039594	792/5	5/01/2021	125.000	327			125.000	"
5	Phạm Thị Cúc	0039595	792/5	5/01/2021	125.000	327			125.000	"
6	Phạm Minh	0039596	792/5	5/01/2021	125.000	327			125.000	"
7	Võ Đình Soạn	0039597	792/5	5/01/2021	125.000	327			125.000	"
8	Cao Văn Hạnh	0039598	792/5	5/01/2021	125.000	327			125.000	"
9	Phạm Văn Vương	0039599	792/5	5/01/2021	125.000	327			125.000	"
10	Phạm Văn Anh	0039600	792/5	5/01/2021	125.000	327			125.000	"
11	Phạm Thường	00014851	298/5	15/01/2021	125.000	327			125.000	"
12	Phạm Văn Bềnh	00014852	298/5	15/01/2021	125.000	327			125.000	"
13	Phạm Thị Thuỷ	00014853	298/5	15/01/2021	125.000	327			125.000	"
14	Võ Đình Sơn	00014854	298/5	15/01/2021	100.000	327			100.000	"
15	Nguyễn Công Duân	00014855	298/5	15/01/2021	100.000	327			100.000	"
16	Huỳnh Văn Thu	00014856	298/5	15/01/2021	100.000	327			100.000	"
17	Phạm Hậu	00014857	298/5	15/01/2021	100.000	327			100.000	"
18	Bùi Việt Bình	00014858	298/5	15/01/2021	100.000	327			100.000	"
19	Nguyễn Công Ánh	00014859	298/5	15/01/2021	100.000	327			100.000	"
20	Phạm Thị Thanh	00014860	298/5	15/01/2021	100.000	327			100.000	"
21	Nguyễn Duy Trai	00014861	298/5	15/01/2021	100.000	327			100.000	"

TT	Họ và tên	Số seri	Quyền số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
22	Phạm Lanh	00014862	298/5	15/01/2021	100.000	327			100.000	"
23	Nguyễn Thị Bình	00014863	298/5	15/01/2021	100.000	327			100.000	"
24	Nguyễn Công Thọ	00014864	298/5	15/01/2021	100.000	327			100.000	"
25	Phạm Lập	00014865	298/5	15/01/2021	100.000	327			100.000	"
26	Nguyễn Tuyết Tịnh	00014866	298/5	15/01/2021	100.000	327			100.000	"
XIII	TỔ 2 CHỈ THÀNH				490.000	9.378	31			
1	Nguyễn Công Duân	0039584	792/5	15/01/2021	20.000	150	822+760	6	20.000	
2	Bùi Việt Bình	0001942	39/41	01/11/2021	20.000	560	974	6	20.000	
3	Nguyễn Công Hoà	0001943	39/41	01/11/2021	10.000	300	760	6	10.000	
4	Phạm Tha	0001944	39/41	01/11/2021	10.000	360	1031	6	10.000	
5	Nguyễn Công Thọ	0001945	39/41	01/11/2021	10000	350	1039	6	10000	
6	Phạm Thị Phận	0001946	39/41	01/11/2021	10.000	400	1032	6	10.000	
7	Võ Đình Độ	0001966	40/41	01/11/2021	10.000	150			10.000	
8	Võ Đình Độ	0001968	40/41	01/11/2021	10.000	320	855	5	10.000	
9	Võ Đình Độ	0001969	40/41	01/11/2021	10.000	600	961	5	10.000	
10	Phạm Quýt	0001947	39/41	01/11/2021	10.000	450	1038	6	10.000	
11	Phạm Quýt	0039585	792/05	08/3/2021	10.000				10.000	
12	Nguyễn Thị Thuỷ	0001948	39/41	01/11/2021	10.000	375	1046	6	10.000	
13	Phạm Thị Thuỷ	0001949	39/41	01/11/2021	10.000	400			10.000	
14	Phạm Thị Hồng	0039590	792/5	15/01/2021	20.000	546			20.000	
15	Phạm Thị Minh	0039589	792/5	15/01/2021	10.000	160			10.000	
16	Cao Văn Hạnh	0001951	40/41	07/11/2021	10.000	355	947	5	10.000	
17	Nguyễn Công Duân	0001953	40/41	07/11/2021	10.000	300	1039	5	10.000	
18	Trần Kim Hồng	0001954	40/41	07/11/2021	10.000	240	878	5	10.000	
19	Trần Kim Hồng	0001955	40/41	07/11/2021	10.000	314	1038	5	10.000	
20	Phạm Lập	0001956	40/41	07/11/2021	10.000	147	1041	5	10.000	
21	Huỳnh Duy Sơn	0001957	40/41	07/11/2021	20.000	350	30	5	20.000	
22	Nguyễn Duy Trai	0039587	792/5	15/01/2021	30.000	715	948	5	40.000	
23	Phạm Hậu	0039587	792/5	15/01/2021	10.000	250	835	6	10.000	
24	Phạm Thị Minh	0039589	792/5	15/01/2021	30.000	320	1042	5	30.000	

TT	Họ và tên	Số seri	Quyền số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
25	Cao Văn Hạnh	0001952	40/41	07/11/2021	10.000	250	648	6	10.000	
26	Phạm Văn Việt	0001967	40/41	07/11/2021	10.000	150	912+881	53	10.000	
27	Nguyễn Công Thuần	0039583	792/5	15/01/2021	40.000	390	1039	6	40.000	
28	Nguyễn Thị Hồng	0039588	792/5	15/01/2021	30.000				30.000	
29	Nguyễn Thị Thảo	0039586	792/5	15/01/2021	80.000	476	1038	6	80.000	
XIV	TỔ 3 CHỈ TRUNG				6.958.000	7.063	16			
1	Bùi Văn Minh	0001958	40/41	07/11/2021	40.000	614			40.000	Không có hợp đồng
2	Cù Văn Công	0001959	40/41	07/11/2021	10.000	545			10.000	"
3	Cù Tuy	0001960	40/41	07/11/2021	150.000	500			150.000	"
4	Cù Thị Sự	0001951	40/41	07/11/2021	200.000	580			200.000	"
5	Võ Lập	0001962	40/41	07/11/2020	20.000	223			20.000	"
6	Phạm Thanh Xuân	0001963	40/41	07/11/2021	100.000	470			100.000	"
7	Bùi Thị Lê	0001964	40/41	07/11/2021	50.000	700			50.000	"
8	Cù Thị Hậu	0001965	40/41	07/11/2021	50.000	700			50.000	"
9	Phạm Văn Việt	0014868	298/27	14/4/2021	5.188.000	2594	1094;1095;1118;1183	6	5.188.000	
10	Đinh Thị Đồng	0014871	298/27	05/8/2021	500.000	137	837+764+765	17	500.000	
11	Nguyễn Tấn Lực	0014876	298/41	14/10/2024	650.000					
	TỔNG				35.407.000	189.153	434			
	Bồi thường của dự án phân đất công ích				21.840.840					
	TỔNG THU NĂM 2021				57.247.840		635	626		

PHỤ LỤC 04.1
BẢNG KÊ DIỆN TÍCH ĐẤT CÔNG ÍCH CÔNG ĐỒNG DÂN CƯ THUÊ
GIAI ĐOẠN 2021 - 2023

(Kèm theo Kết luận thanh tra số/KL-TTH ngày /2025 của Chánh thanh tra huyện)

TT	Họ và tên	Số seri	Quyền số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Ghi chú
1	Phụ nữ					600	2382	22		Có hợp đồng giá trị 0đ
2	Tổ tự quản					300	2382	22		Có hợp đồng giá trị 0đ
3	Cao tuổi					451	1059	18		Có hợp đồng giá trị 0đ
4	Nông dân					502	1236	18		Có hợp đồng giá trị 0đ
5	Huỳnh Ngọc Tùng (nông dân)	00014943	299/41	28/10/2021	100.000	1000			100.000	Có thu tiền
6	Nguyễn Thị Tùng (phụ nữ)	00014945	299/41	28/10/2021	100.000	1500	1855	5	100.000	Có thu tiền
7	Lê Thị Lan (cao tuổi)	00014944	299/41	28/10/2021	100.000	1000			100.000	Có thu tiền
8	Phạm Mẹo (nông dân)	0034944	699/41	02/11/2021	10.000	500			10.000	Có thu tiền
9	Nguyễn Khanh (xóm)				0	500			10.000	Có thu tiền
10	Cao Văn Phường (cao tuổi)	0034945	699/41	02/11/2021	20.000	1000			20.000	Có thu tiền
11	Trịnh Thị Nhung (phụ nữ)	0034946	699/41	02/11/2021	10.000	750			10.000	Có thu tiền
12	Cù Thị Hậu (phụ nữ)	0001965	40/41	07/11/2021	50.000	700			50.000	Có thu tiền
	TỔNG CỘNG				390.000	8.803				

PHỤ LỤC 05

**BẢNG KÊ THU TIỀN CHO THUÊ ĐẤT CÔNG ÍCH CỦA UBND XÃ BÌNH TRUNG
GIAI ĐOẠN 2022 - 2024**

(Kèm theo Kết luận thanh tra số/KL-TTH ngày /2025 của Chánh thanh tra huyện)

TT	Họ và tên	Số seri	Quyên số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	THÔN TIỀN ĐÀO				17.150.000	15.635	14			
1	Trịnh Thị Học	0002069	42/36	14/10/2022	1.300.000	1076	Lô số 01	18	1.300.000	
2	Bùi Thanh	0002063	42/36	14/10/2022	1.300.000	1166	Lô số 02	18	1.300.000	
3	Nguyễn Dương	0002064	42/36	14/10/2022	1.300.000	1278	Lô số 03	18	1.300.000	
4	Trần Văn Sang	0002065	42/36	14/10/2022	1.300.000	1157	Lô số 05	18	1.300.000	
5	Lê Vinh	0002066	42/36	14/10/2022	1.300.000	1105	Lô số 06	18	1.300.000	
6	Trần Kim Hoà	0002068	42/36	14/10/2022	1.300.000	1112	Lô số 07	18	1.300.000	
7	Vũ Thị Thê Lan	0002067	42/36	14/10/2022	1.100.000	914	Lô số 08	18	1.100.000	
8	Phạm Em	0002070	42/36	14/10/2022	1.300.000	1150	Lô số 08	18	1.300.000	
9	Lương Tư	0002071	42/36	14/10/2022	1.300.000	1155	Lô số 09	18	1.300.000	có kí HĐ nhưng trong hợp đồng ko có diện tích, số tiền trong HĐ
10	Lương Tư	0002071	42/36	14/10/2022	1.300.000	1224	Lô số 10	18	1.300.000	
11	Đoàn Sự	0002073	42/36	14/10/2022	1.600.000	1583	Lô số 13	18	1.600.000	
12	Lê Minh Đức	0002074	42/36	14/10/2022	1.300.000	1090	Lô số 12	18	1.300.000	
13	Trịnh Văn Yên	0002072	42/36	14/10/2022	1.300.000	1075	Lô số 11	18	1.300.000	Ko có HĐ nhưng có trong sổ theo dõi của chủ Độ
14	Nguyễn Dũng	0002014	41/15	04/01/2022	150.000	550			150.000	Ko có HĐ nhưng có trong sổ theo dõi của chủ Độ
II	ĐỒNG SOI ĐÔNG THUẬN				64.950.000	40.297	31			

TT	Họ và tên	Số seri	Quyển số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Mai Văn Công	0002075	42/36	17/10/2022	2.600.000	1416	LS4		2.600.000	0345938561 HĐ ko có thông tin diện tích, số tiền
2	Mai Văn Công	0002095	42/36	17/10/2022	600.000	1756	10		600.000	HĐ ko có thông tin diện tích, số tiền
3	Võ Đành	0002076	42/36	17/10/2022	3.400.000	2030	01		3.400.000	HĐ ko có thông tin diện tích, số tiền
4	Võ Tấn Minh	0002077	42/36	17/10/2022	2.100.000	1170	02		2.100.000	HĐ ko có thông tin diện tích, số tiền
5	Tạ Đình Ân	0002078	42/36	17/10/2022	2.400.000	1482	03		2.400.000	0327408954 HĐ ko có thông tin diện tích, số tiền
6	Phạm Hội	0002079	42/36	17/10/2022	2.900.000	1529	6		2.900.000	HĐ ko có thông tin diện tích, số tiền
7	Phạm Tấn Tư	0002080	42/36	17/10/2022	2.500.000	1598	7		2.500.000	0367022671 HĐ ko có thông tin diện tích, số tiền
8	Trịnh Thuần	0002081	42/36	17/10/2022	2.600.000	1395	8		2.600.000	0376320305 HĐ ko có thông tin diện tích, số tiền
9	Võ Mến	0002082	42/36	17/10/2022	3.200.000	1395	9		3.200.000	0389081986 HĐ ko có thông tin diện tích, số tiền
10	Võ Trung	0002083	42/36	17/10/2022	3.200.000	1780	10		3.200.000	0353592640 HĐ ko có thông tin diện tích, số tiền
11	Trịnh Lộc	0002084	42/36	17/10/2022	2.700.000	1453	12		2.700.000	0333169215 HĐ ko có thông tin diện tích, số tiền

TT	Họ và tên	Số seri	Quyền số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
12	Trịnh Văn Thanh	0002085	42/36	17/10/2022	1.800.000	1199	14		1.800.000	03851284435 HĐ ko có thông tin diện tích, số tiền
13	Đặng Duy Công	0002086	42/36	17/10/2022	2.000.000	1400	15		2.000.000	HĐ ko có thông tin diện tích, số tiền
14	Võ Phương	0002087	42/36	17/10/2022	1.900.000	1287	16		1.900.000	0369231910 HĐ ko có thông tin diện tích, số tiền
15	Võ Phương	0002093	42/36	17/10/2022	1.200.000	1440	26		1.200.000	0369231910 HĐ ko có thông tin diện tích, số tiền
15	Mai Văn Tại	0002088	42/36	17/10/2022	1.700.000	1145	17		1.700.000	HĐ ko có thông tin diện tích, số tiền
16	Mai Văn Tại	0002088	42/36	17/10/2022	1.600.000	1129	18		1.600.000	HĐ ko có thông tin diện tích, số tiền
17	Mai Văn Tại	0002088	42/36	17/10/2022	1.500.000	1021	19		1.500.000	HĐ ko có thông tin diện tích, số tiền
18	Mai Văn Tại	0002088	42/36	17/10/2022	1.500.000	1015	20		1.500.000	HĐ ko có thông tin diện tích, số tiền
19	Bùi Thị Phương	0002089	42/36	17/10/2022	1.000.000	560	21		1.000.000	0343503533 HĐ ko có thông tin diện tích, số tiền
20	Huỳnh Đình Nhiều	0002090	42/36	17/10/2022	1.000.000	500	22		1.000.000	HĐ ko có thông tin diện tích, số tiền
21	Trần Văn Tuấn	0002091	42/36	17/10/2022	1.800.000	1560	24		1.800.000	HĐ ko có thông tin diện tích, số tiền
22	Võ Văn Thới	0002092	42/36	17/10/2022	3.500.000	2204	25	XL	3.500.000	0386655377 HĐ ko có thông tin diện tích, số tiền

TT	Họ và tên	Số seri	Quyền số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
23	Nguyễn Ngọc Hoàng	0002094	42/36	17/10/2022	1.000.000	470	27		1.000.000	HĐ ko có thông tin diện tích, số tiền
24	Trịnh Thân	0002096	42/36	17/10/2022	1.000.000	1500	29		1.000.000	0398681931 HĐ ko có thông tin diện tích, số tiền
25	Đặng Duy Hoa	0002097	42/36	17/10/2022	3.300.000	3036 (-400m2 đường)	32	XL	3.300.000	HĐ ko có thông tin diện tích, số tiền
26	Võ Văn Kiều	0002098	42/36	17/10/2022	1.000.000	492	34		1.000.000	HĐ ko có thông tin diện tích, số tiền
27	Võ Thừa	0002099	42/36	17/10/2022	1.500.000	876	23		1.500.000	HĐ ko có thông tin diện tích, số tiền
28	Phạm Ngọc Trung	0002100	42/36	17/10/2022	2.800.000	1530	5		2.800.000	HĐ ko có thông tin diện tích, số tiền
29	Lê Thị Hiền	0002501	51/36	17/10/2022	2.500.000	1448	13	XL	2.500.000	HĐ ko có thông tin diện tích, số tiền
30	Mai Thị Thương	0002502	51/36	17/10/2022	3.000.000	2137	31	XL	3.000.000	0975705840 HĐ ko có thông tin diện tích, số tiền
31	Trần Văn Lang	0002503	51/36	17/10/2022	150.000	380			150.000	0365663098 HĐ ko có thông tin diện tích, số tiền
III	XỨ ĐỒNG TRẮNG				45.900.000	44.333	37			
1	Cao Văn Thân	0002504	51/36	18/10/2022	1.800.000	1129	01		1.800.000	
2	Cao Văn Thân	0002504	51/36	18/10/2022	1.800.000	1109	2		1.800.000	Ko có HĐ, có DS
3	Cao Văn Thân	0002506	51/36	18/10/2022	1.300.000	1069	4	xl	1.300.000	
4	Cao Văn Thân	0002506	51/36	18/10/2022	1.300.000	1049	5	xl	1.300.000	

TT	Họ và tên	Số seri	Quyền số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
5	Lê Phương Trung	0002505	51/36	18/10/2022	1.300.000	1089	3		1.300.000	
6	Lê Phương Trung	0002530	51/36	18/10/2022	1.400.000	1296			1.400.000	
7	Lê Phương Trung	0002532	51/36	18/10/2022	200.000	500			200.000	
8	Nguyễn Thị Tàu	0002507	51/36	18/10/2022	1.300.000	1029	6		1.300.000	
9	Nguyễn Thị Tàu	0002517	51/36	18/10/2022	500.000	959	17		500.000	
10	Nguyễn Thanh Tâm	0002508	51/36	18/10/2022	1.400.000	1129	7		1.400.000	
11	Nguyễn Thanh Tâm	0002533	51/36	18/10/2022	500.000	967	16		500.000	
12	Nguyễn Tình	0002509	51/36	18/10/2022	1.300.000	1129	8		1.300.000	
13	Ngô Công Hiền (Bùi Thị Lan)	0002510	51/36	18/10/2022	1.100.000	989			1.100.000	
14	Đinh Hương	0002511	51/36	18/10/2022	1.100.000	949			1.100.000	
15	Võ Thị Hà	0002512	51/36	18/10/2022	1.300.000	1050			1.300.000	
16	Tăng Văn Quyết	0002513	51/36	18/10/2022	1.100.000	989	13		1.100.000	
17	Nguyễn Văn Đức	0002514	51/36	18/10/2022	1.100.000	981	14		1.100.000	
18	Nguyễn Thị Cúc	0002534	51/36	18/10/2022	500.000	974	15		500.000	
19	Hồ Thị Nhạn	0002520	51/36	18/10/2022	1.700.000	1311	23		1.700.000	

TT	Họ và tên	Số seri	Quyền số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
20	Huỳnh Ngọc Đoan	0002518	51/36	18/10/2022	1.600.000	1200	24		1.600.000	
21	Hồ Văn Thọ	0002519	51/36	18/10/2022	1.700.000	1200	25		1.700.000	
22	Nguyễn Tài	0002521	51/36	18/10/2022	1.800.000	1200	26		1.800.000	
23	Phạm Thị Sương	0002522	51/36	18/10/2022	1.700.000	1200	27	xl	1.700.000	
24	Tăng Mùi	0002523	51/36	18/10/2022	1.400.000	1200	28	xl	1.400.000	
25	Nguyễn Văn Tinh	0002524	51/36	18/10/2022	1.400.000	1085	29	xl	1.400.000	
26	Huỳnh Tư	0002525	51/36	18/10/2022	2.900.000	2563	30	xl	2.900.000	
27	Phạm Văn Lợi	0002526	51/36	18/10/2022	1.400.000	1507	31	xl	1.400.000	
28	Phạm Văn Lợi	0002535	51/36	18/10/2022	500.000	952	18		500.000	
29	Nguyễn Thị Tân	0002527	51/36	18/10/2022	1.500.000	1454	32		1.500.000	
30	Tạ Đình Bình	0002528	51/36	18/10/2022	1.500.000	1402	33		1.500.000	
31	Võ Công Bốn	0002529	51/36	18/10/2022	1.400.000	1349			1.400.000	
32	Võ Công Bốn	0002536	51/36	18/10/2022	600.000	945	19		600.000	
33	Nguyễn Quang	0002531	51/36	18/10/2022	1.500.000	1589	36		1.500.000	
34	Hồ Thủy	0002537	51/36	18/10/2022	600.000	937	20		600.000	
35	Hồ Văn Trường	0002538	51/36	18/10/2022	600.000	930	21		600.000	
36	Nguyễn Ngọc Anh	0002539	51/36	18/10/2022	600.000	923	22		600.000	

TT	Họ và tên	Số seri	Quyền số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
37	Phạm Ngọc Thắng	0002540	51/36	18/10/2022	1.200.000	3000			1.200.000	
IV	XỨ ĐỒNG CÂY GĂNG				19.355.000	38.338	35			
1	Võ Hùng Trí	0002578	52/36	22/10/2022	760.000	1141	7		760.000	
2	Võ Hùng Trí	0002578	52/36	22/10/2022	760.000	1032	5		760.000	Ko có hợp đồng
3	Trịnh Hà	0002577	52/36	22/10/2022	680.000	1052	1		680.000	HĐ ko có diện tích 0364567264
4	Nguyễn Diệu	0002579	52/36	22/10/2022	520.000	1016			520.000	
5	Nguyễn Diệu	0002590	52/36	22/10/2022	200.000	500			200.000	HĐ ko có diện tích
6	Huỳnh Phú Quý	0002580	52/36	22/10/2022	480.000	1018	3		480.000	HĐ ko có diện tích 0366763252
7	Trịnh Phú Hưng	0002581	52/36	22/10/2022	840000	1023	4		840000	HĐ ko có diện tích
8	Trịnh Phú Bình	0002582	52/36	22/10/2022	760.000	1189	6		760.000	HĐ ko có diện tích
21	Trịnh Phú Bình	0002582	52/36	22/10/2022	1.200.000	3000	28		1.200.000	HĐ ko có diện tích
9	Trịnh Phú Minh	0002583	52/36	22/10/2022	440.000	1283	8		440.000	0989028981
10	Trịnh Phú Minh (Phạm Thị Hạnh)	0002583	52/36	22/10/2022	160.000	1000			160.000	HĐ ko có diện tích
11	Huỳnh Thị Mai	0002591	52/36	22/10/2022	600.000	1000			600.000	HĐ ko có diện tích 0365902295
12	Trịnh Tạo	0002584	52/36	22/10/2022	800.000	1000			800.000	
13	Huỳnh Sơn	0002585	52/36	22/10/2022	480.000	587			480.000	HĐ ko có diện tích 0974281417

TT	Họ và tên	Số seri	Quyền số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
14	Huỳnh Sơn	0002585	52/36	22/10/2022	1.040.000	2407			1.040.000	HĐ ko có diện tích 0974281417
30	Huỳnh Sơn	0002585	52/36	22/10/2022	600.000	1000	21	xl	480.000	Không có hợp đồng
14	Trần Thị Hậu	0002600	52/36	22/10/2022	840.000	1394	13		840.000	HĐ ko có diện tích
15	Nguyễn Văn Thuận	0002601	53/36	22/10/2022	840.000	1394	14		840.000	0356222301
16	Trần Thị Thuý	0002602	53/36	22/10/2022	840.000	1394	15		840.000	HĐ ko có diện tích 0376880508
17	Lê Thị Hoa	0002603	53/36	22/10/2022	770.000	1200	16		770.000	HĐ ko có diện tích 0989005061
18	Võ Ái	0002592	51/36	22/10/2022	80.000	200			80.000	HĐ ko có diện tích
19	Võ Ái	0002586	51/36	22/10/2022	880.000	1178	17		880.000	HĐ ko có diện tích
20	Nguyễn Thị Hiền	0002587	51/36	22/10/2022	240.000	1084	18		240.000	0364341913
22	Đào Thị Lầu (hội người cao tuổi)					956	917	19		Cho tô cao tuổi (có HĐ)
23	Trần Thị Kim	0002589	52/36	22/10/2022	960.000	1477	20		960.000	HĐ ko có diện tích 0357149632
24	Trần Tài	0002604	53/36	22/10/2022	560.000	963	22		560.000	0328284374
25	Lê Mẹo	0002599	52/36	22/10/2022	160.000	500			160.000	HĐ ko có diện tích
26	Lê Mẹo	0002599	52/36	22/10/2022	200.000	500			200.000	HĐ ko có diện tích
27	Lê Mẹo	0002599	52/36	22/10/2022	200.000	500			200.000	HĐ ko có diện tích
28	Lê Mẹo	0002588	52/36	22/10/2022	490.000	916	25		490.000	HĐ ko có diện tích
29	Lê Mẹo	0002588	52/36	22/10/2022	455.000	1434	24		455.000	HĐ ko có diện tích

TT	Họ và tên	Số seri	Quyền số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
30	Trịnh Thân	0002597	52/36	22/10/2022	400.000	1000			600.000	HD ko có diện tích 03852140605
31	Nguyễn Thị Hồng	0002595	52/36	22/10/2022	360.000	1000			360.000	HD ko có diện tích 0374690169
32	Nguyễn Thị Hạnh	0002596	52/36	22/10/2022	160.000	500			160.000	HD ko có diện tích 0374690169
33	Trịnh Thuận	0002593	52/36	22/10/2022	200.000	500			200.000	HD ko có diện tích
34	Ngô Nhứt	0002594	52/36	22/10/2022	200.000	500			200.000	HD ko có diện tích 0364537885
35	Huỳnh Thị Hiệu	0002598	52/36	22/10/2022	200.000	500			200.000	HD ko có diện tích 0365902295
V	XỨ ĐỒNG MÃ TÚ				2.610.000	13.000	9			
1	Bùi Đền	0002605	53/36	22/10/2022	300.000	1500			300.000	
2	Lý Phương	0002548	51/36	18/11/2022	300.000	1500			300.000	HD ko có diện tích
3	Bùi Văn Thắng	0002549	51/36	18/11/2022	350.000	1700			350.000	HD ko có diện tích
4	Nguyễn Khánh Hải	0002609	53/45	01/11/2022	240.000	1200			240.000	
5	Bùi Văn Dũng	0002606	53/36	22/10/2022	400.000	2000			400.000	
6	Cù Thị Thư	0002549	51/36	18/11/2022	140.000	700			140.000	
7	Trần Thị Thanh Tâm	0002575	52/36	20/10/2022	120.000	600			120.000	0399654104
8	Bùi Quốc Văn	0002608	53/45	01/11/2022	600.000	3000			600.000	
9	Phạm Thị Lập	0002607	53/45	01/11/2022	160.000	800			160.000	
VI	XỨ ĐỒNG CHỒI SƠN				27.600.000	44.839	8			

TT	Họ và tên	Số seri	Quyền số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1	Trịnh Phú Bình	0002545	51/36	18/10/2022	4.600.000	3755			4.600.000	Người thuê chưa kí HĐ, HĐ ko có diện tích 0387224597
2	Lê Minh Hiền	0002547	51/36	18/10/2022	900.000	1700			900.000	Ko có hợp đồng
3	Lê Minh Hiền	0002547	51/36	18/10/2022	100.000	821			100.000	Ko có hợp đồng
3	Huỳnh Đình Thịnh	0002546	51/36	18/10/2022	1.000.000	1663			1.000.000	Ko có hợp đồng
4	Nguyễn Ngọc Anh	0002541	51/36	18/10/2022	4.500.000	4000			4.500.000	Người thuê chưa kí HĐ
5	Ngô Lương	0002542	51/36	18/10/2022	4.500.000	4900			4.500.000	Người thuê chưa kí HĐ 099677029
6	Ngô Lương	0002543	51/36	18/10/2022	5.000.000	4500			5.000.000	Người thuê chưa kí HĐ 099677029
6	Cao Văn Thân	0002610	53/45	22/11/2022	2.000.000	9500			2.000.000	diện tích HĐ nhiều hơn DS
7	Võ Hoang	0002544	51/36	18/10/2022	5.000.000	4000			5.000.000	Người thuê chưa kí HĐ 0387224597
8	Hội nông dân (dự án) của đc Võ Hùng trí					10000				ko có hợp đồng, ko có nộp tiền
VII	XỨ ĐỒNG GIEO				23.620.000	30.402	28			
1	Nguyễn Thanh Mỹ	0002552	52/36	20/10/2022	600.000	992	1		600.000	
2	Nguyễn Công Lai	0002553	52/36	20/10/2022	2.000.000	2363	2		2.000.000	
3	Võ Công Bốn	0002554	52/36	20/10/2022	1.160.000	1292	3		1.160.000	

TT	Họ và tên	Số seri	Quyền số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
4	Võ Công Bốn	0002554	52/36	20/10/2022	1.160.000	1292	4		1.160.000	
5	Phạm Văn Hương	0002555	52/36	20/10/2022	1.000.000	1144	5		1.000.000	
6	Nguyễn Tư	0002556	52/36	20/10/2022	1.080.000	1244	6		1.080.000	
7	Phạm Thị Kiều Thi	0002557	52/36	20/10/2022	1.080.000	1240	7		1.080.000	
8	Phạm Thị Bé	0002558	52/36	20/10/2022	1.240.000	1457	8		1.240.000	
9	Trần Hạ	0002559	52/36	20/10/2022	1.120.000	1530	9		1.120.000	
10	Nguyễn Công Thọ	0002560	52/36	20/10/2022	840.000	1000	12		840.000	
11	Trần Kim Hồng	0002561	52/36	20/10/2022	760.000	1000	13		760.000	
12	Trần Kim Hồng	0002561	52/36	20/10/2022	760.000	1000	14		760.000	
13	Võ Đình Cường	0002562	52/36	20/10/2022	800.000	1000	15		800.000	
14	Lê Thị Lang	0002563	52/36	20/10/2022	840.000	1000	16		840.000	
15	Lê Thị Lang	0002563	52/36	20/10/2022	1.480.000	1500	17		1.480.000	
16	Bùi Văn Thận	0002564	52/36	20/10/2022	240.000	1000	18		240.000	
17	Nguyễn Công Lai	0002565	52/36	20/10/2022	840.000	1000	19	xl	840.000	
18	Bùi Văn Thắng	0002566	52/36	20/10/2022	840.000	1184	20		840.000	

TT	Họ và tên	Số seri	Quyền số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
19	Bùi Văn Thắng	0002566	52/36	20/10/2022	840.000	1107	21		840.000	
20	Cao văn Dân	0002574	52/36	20/10/2022	640.000	1094	22		640.000	
21	Cao Văn Thi	0002572	52/36	20/10/2022	800.000	1294	23		800.000	
22	Cao Văn Thuận	0002573	52/36	20/10/2022	560.000	892	24		560.000	
23	Phạm Phúc	0002570	52/36	20/10/2022	400.000	1107			400.000	
24	Phạm Phúc	0002570	52/36	20/10/2022	480.000	1146	27		480.000	
25	Phạm Phúc	0002571	52/36	20/10/2022	500.000	847	25		500.000	
26	Hà Hữu Y	0002568	52/36	20/10/2022	200.000				200.000	
27	Phạm Anh	0002569	52/36	20/10/2022	1.120.000				1.120.000	
28	Trần Ngọc Lê	0002567	52/36	20/10/2022	240.000	677	30		240.000	
VIII	GÒ SỎI				36.300.000	0	11			
1	Võ Hùng Trí	0002017	41/15	06/01/2022	3.000.000				3.000.000	
2	Phan Thanh Hoàng	0002018	41/15	06/01/2022	3.600.000				3.600.000	
3	Nguyễn Khánh Hoà	0002019	41/15	06/01/2022	4.200.000				4.200.000	
4	Cù Thị Hải	0002020	41/15	06/01/2022	3.300.000				3.300.000	
5	Nguyễn Đăng Phát	0002021	41/15	06/01/2022	3.300.000				3.300.000	
6	Nguyễn Tấn Hưng	0002022	41/15	06/01/2022	2.700.000				2.700.000	

TT	Họ và tên	Số seri	Quyền số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
7	Nguyễn Tấn Hoa	0002023	41/15	06/01/2022	3.600.000				3.600.000	
8	Nguyễn Thanh Tùng	0002024	41/15	06/01/2022	3.900.000				3.900.000	
9	Trịnh Phú Bình	0002025	41/15	06/01/2022	2.700.000				2.700.000	
10	Võ Văn Lợi	0002026	41/15	06/01/2022	3.000.000				3.000.000	
11	Lê Thành Sinh	0002027	41/15	06/01/2022	3.000.000				3.000.000	
IX	GÒ NGỰA				7.965.000	6.484	28		7.965.000	
1	Phạm Đức Minh	0002029	41/24	27/4/2022	180.000				180.000	
2	Nguyễn Một	0002033	41/24	28/4/2022	1.100.000	746			1.100.000	
3	Bùi Đến	0002034	41/24	29/4/2022	250.000	219			250.000	
4	Bùi Tâm	0002035	41/24	29/4/2022	250.000	254			250.000	
5	Lý Thị Yến	0002036	41/24	29/4/2022	400.000	260			400.000	
6	Bùi Văn Nhâm	0002037	41/24	29/4/2022	500.000	455			500.000	
7	Trương Thị Bình	0002038	41/24	29/4/2022	250.000	139			250.000	
8	Nguyễn Văn Quyết	0002039	41/24	29/4/2022	100.000	621			100.000	
9	Phạm Sĩ	0002040	41/24	29/4/2022	120.000	200			120.000	
10	Bùi Văn Ngọt	0002041	41/24	29/4/2022	140.000	98			140.000	
11	Hồ Lập	0002042	41/24	29/4/2022	120.000	57			120.000	
12	Cao Minh Xuân	0002043	41/24	04/5/2022	350.000	165			350.000	
13	Huỳnh Trạng	0002044	41/24	04/5/2022	390.000	186			390.000	
14	Định Thị Thia	0002045	41/24	05/5/2022	200.000	100			200.000	

TT	Họ và tên	Số seri	Quyền số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
15	Bùi Văn Huệ	0002046	41/24	11/5/2022	150.000	69			150.000	
16	Hồ Văn sử	0002047	41/24	11/5/2022	550.000	330			550.000	
17	Bùi Sửu	0002048	41/24	12/5/2022	650.000	460			650.000	
18	Bùi Văn Bình	0002049	41/24	14/5/2022	110.000	52			110.000	
19	Lý Khê	0002050	41/24	14/5/2022	50.000	121			50.000	
20	Nguyễn Thị Hoà	0002051	42/24	14/5/2022	50.000	21			50.000	
21	Bùi Sô	0002052	42/24	14/5/2022	410.000	197			410.000	
22	Võ Đức Công	0002053	42/24	14/5/2022	80.000	51			80.000	
23	Phạm Văn Toàn	0002054	42/24	14/5/2022	300.000	564			300.000	
24	Lý Phương	0002055	42/24	14/5/2022	200.000	190			200.000	
25	Huỳnh Trang	0002056	42/24	17/5/2022	760.000	815,3			760.000	
26	Huỳnh Trang	0002057	42/24	17/5/2022	15.000	6			15.000	
27	Huỳnh Hà	0002058	42/24	17/5/2022	150.000	108,1			150.000	
28	Bùi Cường	0002059	42/24	20/5/2022	140.000				140.000	
	TỔNG CỘNG				245.450.000	233.328	201			

PHỤ LỤC 05.1

BẢNG KÊ DIỆN TÍCH ĐẤT CÔNG ÍCH CHO CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ THUÊ
GIAI ĐOẠN 2022 - 2024

(Kèm theo Kết luận thanh tra số/KL-TTH ngày/ 2025 của Chánh thanh tra huyện)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Ghi chú
1	Hội nông dân (dự án) của đc Võ Hùng Trí			10.000				ko có hợp đồng, ko có nộp tiền
2	Đào Thị Lầu			956	917	19		Có hợp đồng giá trị 0đ
	TỔNG CỘNG			10.956				

PHỤ LỤC 06

**BẢNG KÊ THU TIỀN CHO THUÊ ĐẤT CÔNG ÍCH CỦA UBND XÃ BÌNH TRUNG
GIAI ĐOẠN 2023 - 2025**

(Kèm theo Kết luận thanh tra số/KL-TTH ngày /2025 của Chánh thanh tra huyện)

TT	Họ và tên	Số seri	Quyên số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Số hợp đồng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	TỔ 1 CHÍ THÀNH				3.730.000	47.235	103				
1	Nguyễn Đễ	0000789	16/41	22/11/2023	30.000	380	287	6	30.000	47	
2	Huỳnh Thị Thuỷ	0000790	16/41	22/11/2023	20.000	250	348	6	20.000	48	
3	Phạm Thanh Tùng	0000791	16/41	22/11/2023	10.000	150	98	5	10.000	49	
4	Phạm Thanh Tùng	0000791	16/41	22/11/2023	10.000	180	414	6	10.000		
5	Phạm Thanh Tùng	0000791	16/41	22/11/2023	10.000	200	3	1	10.000		
6	Phạm Thanh Tùng	0000791	16/41	22/11/2023	20.000	550	2	1	20.000		
7	Phạm Thanh Tùng	0000791	16/41	22/11/2023	20.000	500	2	1	20.000		
8	Phạm Thanh Tùng	0000791	16/41	22/11/2023	10.000	100	1	1	10.000		
9	Phạm Thanh Tùng	0000791	16/41	22/11/2023	20.000	200	3	1	20.000		
10	Phạm Thanh Tùng	0000791	16/41	22/11/2023	20.000	156	3	1	20.000		
11	Huỳnh Văn Sơn	0000793	16/41	22/11/2023	10.000	150	1737	5	10.000	51	
12	Phạm Hà	0000792	16/41	22/11/2023	40.000	540	23	1	40.000		

TT	Họ và tên	Số seri	Quyên số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Số hợp đồng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
13	Phạm Hậu	0000794	16/41	22/11/2023	50.000	533	1827	5	50.000	52	
14	Cù Minh Hoà	0000795	16/41	22/11/2023	20.000	200	1631	5	20.000	53	
15	Cù Minh Hoà	0000795	16/41	22/11/2023	30.000	100	11	1	30.000		
16	Cù Minh Hoà	0000795	16/41	22/11/2023		392	316	1			
17	Nguyễn Tấn Tạo	0000796	16/41	22/11/2023	20.000	512	1661	5	20.000	54	
18	Nguyễn Tấn Tạo	0000796	16/41	22/11/2023	20.000	445	276	6	20.000		
19	Nguyễn Trang	0000798	16/41	22/11/2023	20.000	200	1658	5	20.000	56	
20	Võ Châu	0000797	16/41	22/11/2023	40.000	350	1638	5	40.000	55	
21	Võ Châu	0000797	16/41	22/11/2023	40.000	630	216	1	40.000		
22	Cao văn Lý	0000799	16/41	22/11/2023	50.000	667	1573	5	50.000	57	
23	Cao Văn Lý	0000799	16/41	22/11/2023	30.000	514	637	5	30.000		
24	Cao Văn Lý	0000799	16/41	22/11/2023	20.000	250	76	1	20.000		
25	Cao Văn Lý	0000800	16/41	22/11/2023	20.000	273	149	5	20.000	58	
26	Nguyễn Kỳ	0000317	07/41	22/11/2023	30.000	340	1654	5	30.000	61	
27	Nguyễn Kỳ	0000317	07/41	22/11/2023	20.000	390	121	1	20.000		
28	Nguyễn Kỳ	0000317	07/41	22/11/2023	10.000	120	147	1	10.000		

TT	Họ và tên	Số seri	Quyên số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Số hợp đồng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
29	Nguyễn Văn Mạnh	0000315	07/41	22/11/2023	30.000	630	1741	5	30.000	59	
30	Nguyễn Văn Mạnh	0000315	07/41	22/11/2023	20.000	400	4	1	20.000		
31	Phạm Thành	0000316	07/41	22/11/2023	20.000	250	1824	5	20.000	60	
32	Phạm Thành	0000316	07/41	22/11/2023	10.000	300	182	1	10.000		
33	Phạm Thành	0000316	07/41	22/11/2023	10.000	200	91	1	10.000		
34	Cao Văn Khanh	0000318	07/41	22/11/2023	40.000	540	1622	5	40.000	62	
35	Cao Văn Khanh	0000318	07/41	22/11/2023	10.000	320	144	5	10.000		
36	Bùi Thị Lạc	0000319	07/41	22/11/2023	20.000	363	1725	5	20.000	63	
37	Bùi Thị Lạc	0000319	07/41	22/11/2023	20.000	300	89	1	20.000		
38	Phạm Cúc	0000320	07/41	22/11/2023	40.000	510	363	5	40.000	64	
39	Phạm Cúc	0000320	07/41	22/11/2023	30.000	717	36	5	30.000		
40	Cao Văn Thái	0000322	07/41	22/11/2023	30.000	360	1624	5	30.000	66	
41	Cao Văn Thái	0000322	07/41	22/11/2023	20.000	412	291	1	20.000		
42	Cao Văn Thái	0000322	07/41	22/11/2023	20.000	340	144	5	20.000		
43	Phạm Thị Phổ	0000323	07/41	22/11/2023	30.000	510	340	6	30.000	67	
44	Phạm Thị Phổ	0000323	07/41	22/11/2023	20.000	400	327	1	20.000		

TT	Họ và tên	Số seri	Quyên số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Số hợp đồng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
45	Phạm Thị Phổ	0000323	07/41	22/11/2023	50.000	533	175	5	50.000		
46	Lê Văn Phước	0000325	07/41	22/11/2023	20.000	250	415	6	20.000	69	
47	Phạm Sỹ	0000326	07/41	22/11/2023	40.000	550	1726	5	40.000	70	
48	Phạm Sỹ	0000326	07/41	22/11/2023	30.000	320	142	5	30.000		
49	Phạm Sỹ	0000326	07/41	22/11/2023	20.000	200	1665	5	20.000		
50	Nguyễn Kiều	0000327	07/41	22/11/2023	40.000	500	262	15	40.000	71	
51	Nguyễn Kiều	0000327	07/41	22/11/2023	20.000	357	284	6	20.000		
52	Phạm Ngọc Thuy	0000328	07/41	22/11/2023	10.000	100	577	5	10.000	72	
53	Phạm Ngọc Thuy	0000328	07/41	22/11/2023	30.000	380	1825	5	30.000		
54	Phạm Ngọc Thuy	0000328	07/41	22/11/2023	10.000	560	42	1	10.000		
55	Phạm Ngọc Thuy	0000328	07/41	22/11/2023	20.000	200	37	1	20.000		
56	Nguyễn Tấn Cầm	0000329	07/41	22/11/2023	20.000	250	347	6	20.000	73	
57	Nguyễn Tấn Cầm	0000329	07/41	22/11/2023	20.000	370	4	1	20.000		
58	Nguyễn Viết Thanh	0000330	07/41	22/11/2023	30.000	457	257	6	30.000	74	
59	Nguyễn Viết Thanh	0000330	07/41	22/11/2023	40.000	592	255	6	40.000		
60	Nguyễn Khanh	0001052	22/41	22/11/2023	1.500.000	10600	290	6	1.500.000	96	

TT	Họ và tên	Số seri	Quyên số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Số hợp đồng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
61	Nguyễn Khanh	0001053	22/41	22/11/2023	10.000	500			10.000	97	
62	Nguyễn Khanh	0001054	22/41	22/11/2023	20.000	337	290	6	20.000	98	
63	Nguyễn Khanh	0001054	22/41	22/11/2023	10.000	243	289	6	10.000		
64	Nguyễn Khanh	0001054	22/41	22/11/2023	30.000	250	283	6	30.000		
65	Nguyễn Khanh	0001054	22/41	22/11/2023	20.000	210	252	6	20.000		
66	Nguyễn Khanh	0001054	22/41	22/11/2023	30.000	500	253	6	30.000		
67	Nguyễn Khanh	0001054	22/41	22/11/2023	10.000	250	288	6	10.000		
68	Nguyễn Khanh	0001054	22/41	22/11/2023	20.000	253	248	6	20.000		
69	Nguyễn Khanh	0001054	22/41	22/11/2023	10.000	500	328	6	10.000		
70	Nguyễn Nam	0000331	07/41	22/11/2023	50.000	580	434	6	50.000	75	
71	Phạm Thị Lệ	0000332	07/41	22/11/2023	20.000	359	581	5	20.000	76	
72	Đoàn Thanh Quý	0000335	07/41	22/11/2023	50.000	500	1673	5	50.000	79	
73	Đoàn Thanh Quý	0000335	07/41	22/11/2023	40.000	278	1659	5	40.000		
74	Đoàn Thanh Quý	0000335	07/41	22/11/2023	10.000	110	146	1	10.000		
75	Cao Văn Chương	0000350	07/41	22/11/2023	10.000	200	1568	5	10.000	95	
76	Cao Văn Phường	0001055	22/41	22/11/2023	20.000	350	420	6	20.000	99	

TT	Họ và tên	Số seri	Quyên số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Số hợp đồng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
77	Nguyễn Tấn Hoàng	0000333	07/41	22/11/2023	30.000	378	329	6	30.000	77	
78	Nguyễn Tấn Hoàng	0000333	07/41	22/11/2023	10.000	200	282	6	10.000		
79	Nguyễn Tấn Hoàng	0000333	07/41	22/11/2023	10.000	400			10.000		
80	Cao Thị Tùng	0000324	07/41	22/11/2023	10.000	200	33	5	10.000	68	
81	Phạm Thái Bình	0000336	07/41	22/11/2023	20.000	230	496	6	20.000	80	
82	Phạm Thái Bình	0000336	07/41	22/11/2023	10.000	400	292	1	10.000		
83	Nguyễn Đễ	0000789	16/41	22/11/2023	30.000	400	287	6	30.000		
84	Trần Thị Mỹ Hạnh	0000340	07/41	22/11/2023	20.000	300	14	1	20.000	84	
85	Trần Thị Mỹ Hạnh	0000334	07/41	22/11/2023	10.000	750			10.000	78	Phụ nữ
86	Võ Thị Thư	0000337	07/41	22/11/2023	10.000	200	61	1	10.000	81	
87	Phạm Thái Đào	0000338	07/41	22/11/2023	10.000	101	196	5	10.000	82	
88	Phạm Thái Đào	0000338	07/41	22/11/2023	10.000	150	75	1	10.000		
89	Phạm Thái Đào	0000338	07/41	22/11/2023	10.000	210			10.000		
90	Trịnh Thị Cửu	0000339	07/41	22/11/2023	20.000	310	95	1	20.000	83	
91	Huỳnh Tấn Lưu	0000341	07/41	22/11/2023	20.000	360	15	1	20.000	85	
92	Phạm Đình Phước	0000342	07/41	22/11/2023	10.000	199	50	1	10.000	86	

TT	Họ và tên	Số seri	Quyên số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Số hợp đồng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
93	Phạm Thị Huyền	0000343	07/41	22/11/2023	20.000	180	164	1	20.000	87	
94	Tăng Thị Hạnh	0000344	07/41	22/11/2023	20.000	260	269	1	20.000	88	
95	Lê Thị Hương	0000345	07/41	22/11/2023	20.000	351	96	1	20.000	89	
96	Phạm Hà	0000792	16/41	22/11/2023	10.000	210	23	1	10.000		
97	Huỳnh Thị Thuỷ	0000790	16/41	22/11/2023	20.000	390			20.000		
98	Cao Văn Phường	0000346	07/41	22/11/2023	20.000	302			20.000	90	
99	Cao Văn Phường	0000346	07/41	22/11/2023	10.000	490	187	1	10.000		
100	Cao Văn Phường	0000346	07/41	22/11/2023	20.000	1000			20.000		Cao tuổi
101	Bùi Tấn Quyền	0000321	07/41	22/11/2023	20.000	390			20.000	65	
102	Huỳnh Chinh	0000347	07/41	22/11/2023	10.000	201			10.000	91	
103	Huỳnh Thị Đào	0001051	22/41	22/11/2023	10.000	210			10.000	93	
104	Phạm Vinh	0000348	07/41	22/11/2023	30.000	500			30.000	92	
105	Cù Minh Hoà	0000349	07/41	22/11/2023	10.000	500	316	1	10.000	94	Nông dân
II	KHU DÂN CƯ GÒ NGỰA, PHÚ LỄ 2				1.070.000	1.385	13				
1	Trịnh Thị Thuý (Lê Văn Tám)	0000677	14/41	20/11/2023	50.000	70	1058	16	50.000	1	
2	Nguyễn Vũ Tuấn	0000678	14/41	20/11/2023	100.000	135	1059	16	100.000	2	
3	Phạm Thịnh	0000679	14/41	20/11/2023	150.000	200	1003+972	16	150.000	3	

TT	Họ và tên	Số seri	Quyên số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Số hợp đồng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
4	Phạm Quang Tuấn	0000680	14/41	20/11/2023	150.000	190	1383	16	150.000	4	
5	Lê Thị Hoá	0000682	14/41	20/11/2023	100.000	150	1095+1096	16	100.000	6	
6	Trịnh Thị Dung	0000683	14/41	20/11/2023	200.000	250	1345+1300	16	20.000	7	
7	Nguyễn Văn Mạnh	0000684	14/41	20/11/2023	240.000	300	1180+1138+1139	16	240.000	8	
8	Đào Minh Hùng	0000681	14/41	20/11/2023	80.000	90		16	80.000	5	
III	TÂN AN - PHÚ LỘC				4.150.000	3.741	8				
1	Võ Thiện	0000685	14/41	20/11/2023	400.000	500	58,59	2	400.000	14	
2	Tạ Đình Công	0000686	14/41	20/11/2023	400.000	596	450	2	400.000	9	
3	Nguyễn Tự Lê	0000687	14/41	20/11/2023	400.000	524	57,78	2	400.000	10	
4	Bùi Thanh Sơn	0000688	14/41	20/11/2023	200.000	323	24	2	200.000	11	
5	Huỳnh Văn Giáo và Huỳnh Thị Ngải	0000690	14/41	20/11/2023	2.500.000	1448	22	3	2.500.000	13	
6	Tạ Đình Phước	0000689	14/41	20/11/2023	250.000	350	104	2	250.000	12	
IV	RUỘNG KHẤU				2.700.000	7.848	24				
1	Phạm Quýt	0000786	16/41	21/11/2023	125.000	327	2199	5	125.000	44	
2	Cao Văn Hạnh	0000694	14/41	21/11/2023	125.000	327	2199	5	125.000		
3	Đỗ Văn Ánh	0000788	16/41	21/11/2023	125.000	327	2199	5	125.000	46	
4	Phạm Thị Cúc	0000691	14/41	21/11/2023	125.000	327	2199	5	125.000	15	
5	Phạm Đức Minh	0000692	14/41	21/11/2023	125.000	327	2199	5	125.000	16	

TT	Họ và tên	Số seri	Quyên số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Số hợp đồng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
6	Võ Đình Soại (Nguyễn Thị Thủy)	0000693	14/41	21/11/2023	125.000	327	2199	5	125.000	17	
7	Cao Văn Hạnh	0000694	14/41	21/11/2023	125.000	327	2199	5	125.000	18	
8	Phạm Văn Vương	0000695	14/41	21/11/2023	125.000	327	2199	5	125.000	19	
9	Phạm Văn Anh	0000696	14/41	21/11/2023	125.000	327	2199	5	125.000	20	
10	Phạm Thường	0000697	14/41	21/11/2023	125.000	327	2512	5	125.000	21	
11	Phạm Anh	0000698	14/41	21/11/2023	125.000	327	2511	5	125.000	22	
12	Phạm Thị Thủy	0000699	14/41	21/11/2023	125.000	327	2511	5	125.000	23	
13	Phạm Thị Bềnh	0000700	14/41	21/11/2023	100.000	327	2511	5	100.000	24	
14	Nguyễn Công Duân	0000766	16/41	21/11/2023	100.000	327	2511	5	100.000	25	
15	Huỳnh Thị Thu	0000767	16/41	21/11/2023	100.000	327	2510	5	100.000	31	
16	Phạm Hậu	0000768	16/41	21/11/2023	100.000	327	2510	5	100.000	30	
17	Nguyễn Công Ánh	0000769	16/41	21/11/2023	100.000	327	2511	5	100.000	29	
18	Phạm Thị Thanh	0000771	16/41	21/11/2023	100.000	327	2510	5	100.000	27	
19	Nguyễn Duy Trai	0000770	16/41	21/11/2023	100.000	327	2512	5	100.000	26	
20	Phạm Lanh	0000772	16/41	21/11/2023	100.000	327	2510	5	100.000	28	
21	Nguyễn Thị Bình	0000776	16/41	21/11/2023	100.000	327	2237	5	100.000	33	

TT	Họ và tên	Số seri	Quyên số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Số hợp đồng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
22	Nguyễn Công Thọ	0000773	16/41	21/11/2023	100.000	327	2510	5	100.000	30	
23	Phạm Lập	0000774	16/41	21/11/2023	100.000	327	2510	5	100.000	32	
24	Nguyễn Tuyết Tịnh	0000775	16/41	21/11/2023	100.000	327	2511	5	100.000	34	
V	TỔ 2 - CHÍ THÀNH				250.000	6.268	20				
1	Nguyễn Duy Trai	0000777	16/41	21/11/2023	10.000	204	1039	5	10.000	35	
2	Nguyễn Duy Trai	0000777	16/41	21/11/2023	30.000	715	948	5	30.000		
3	Phạm Thị Minh	0000778	16/41	21/11/2023	20.000	560	684	6	20.000	36	
4	Phạm Thị Minh	0000778	16/41	21/11/2023	10.000	160	1041	5	10.000		
5	Phạm Thị Minh	0000778	16/41	21/11/2023	10.000	320	1042	5	10.000		
6	Nguyễn Công Hoà	0000781	16/41	21/11/2023	10.000	300	760	6	10.000	39	
7	Nguyễn Thị Thuỷ	0000779	16/41	21/11/2023	10.000	360	1031	6	10.000	37	
8	Nguyễn Công Thọ	0000773	16/41	21/11/2023	10000	350	1039	6	10000	31	
9	Nguyễn Công Thọ	0000773	16/41	21/11/2023	10.000	375	1038	6	10.000		
10	Huỳnh Tấn Sơn	0000787	16/41	21/11/2023	10.000	400	1046	6	10.000	45	
11	Nguyễn Thị Bình	0000782	16/41	21/11/2023	10.000	450	961	6	10.000	40	
12	Phạm Thị Thuỷ	0000780	16/41	21/11/2023	10.000	400	1046	6	10.000	38	
13	Phạm Phúc	0000784	16/41	21/11/2023	40.000	355	2461	5	40.000	42	
14	Nguyễn Công Duân	0000766	16/41	21/11/2023	10.000	288	1039	5	10.000		
15	Phạm Đức Minh	0000783	16/41	21/11/2023	10.000	240	1038	5	10.000	41	
16	Phạm Đức Minh	0000783	16/41	21/11/2023	10.000	314	2461	5	10.000		
17	Phạm Lập	0000774	16/41	21/11/2023	10.000	147	1041	5	10.000	32	
18	Phạm Hậu	0000768	16/41	21/11/2023	10.000	250	835	6	10.000	30	

TT	Họ và tên	Số seri	Quyên số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Số hợp đồng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
19	Cao Văn Hạnh	0000785	16/41	21/11/2023	10.000	80	942+881		10.000	43	
VI	TỔ 2 - CHỈ TRUNG				2.100.000	15.344	29				
1	Hồ Thị Lượng	0001056	22/41	22/11/2023	100.000	1400	1943	6	100.000	100	
2	Nguyễn Thị Trọng	0001057	22/41	22/11/2023	100.000	1400	1945	6	100.000	101	
3	Hồ Thị Lượng	0001062	22/41	22/11/2023	100.000	543			100.000	105	
4	Hồ Thị Lượng	0001062	22/41	22/11/2023	50.000	360			50.000		
5	Hồ Thị Lượng	0001062	22/41	22/11/2023	200.000	920			200.000		
6	Phạm Lực	0001059	22/41	22/11/2023	100.000	1000	1960	6	100.000	103	
7	Phạm Lực	0001060	22/41	22/11/2023	100.000	543	318	5	100.000		
8	Võ Tịnh	0001061	22/41	22/11/2023	50.000	500	244	5	50.000	104	
9	Võ Tịnh	0001061	22/41	22/11/2023	100.000	558			100.000		
10	Nguyễn Thị Thuý Liễu	0001063	22/41	22/11/2023	100.000	340	345	5	100.000	106	
11	Nguyễn Thị Thuý Liễu	0001063	22/41	22/11/2023	20.000	204	346	5	20.000		
12	Nguyễn Thị Thuý Liễu	0001063	22/41	22/11/2023	20.000	119			20.000		
13	Võ Thời	0001064	22/41	22/11/2023	100.000	412	1490	6	100.000	107	
14	Võ Thị Ty	0001065	22/41	22/11/2023	100.000	320	1825	6	100.000	108	
15	Huỳnh Thị Huế	0001066	22/41	22/11/2023	50.000	372	2121	6	50.000	109	
16	Huỳnh Thị Huế	0001067	22/41	22/11/2023	20.000	370			20.000		
17	Phạm Thanh Trung	0001058	22/41	22/11/2023	50.000	399	316	5	50.000	102	
18	Phạm Thanh Trung	0001058	22/41	22/11/2023	50.000	507	245	5	50.000		

TT	Họ và tên	Số seri	Quyên số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Số hợp đồng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
19	Phạm Thanh Trung	0001058	22/41	22/11/2023	100.000	784	253	5	100.000		
20	Trịnh Chung	0001068	22/41	22/11/2023	50.000	400	1945	5	50.000	110	
21	Cao Vương	0001069	22/41	22/11/2023	100.000	400			100.000	111	
22	Nguyễn Thị Thanh Phong	0001070	22/41	22/11/2023	50.000	314	1926	6	50.000	112	
23	Nguyễn Thị Thanh Phong	0001070	22/41	22/11/2023	50.000	292	2024	6	50.000		
24	Nguyễn Thị Thanh Phong	0001070	22/41	22/11/2023	50.000	532	1939	6	50.000		
25	Huỳnh Tánh	0001071	22/41	22/11/2023	20.000	116			20.000	113	
26	Cù Thuật	0001073	22/41	22/11/2023	50.000	359	1928	6	50.000	115	
27	Huỳnh Văn Ty	0001072	22/41	22/11/2023	20.000	270			20.000	114	
28	Trịnh Dũng	0001074	22/41	22/11/2023	200.000	961	2055	6	200.000	116	
29	Trịnh Dũng	0001074	22/41	22/11/2023		649	2124	6			
VII	TỔ 3 - CHÍ TRUNG				760.000	4.520	9				
1	Bùi Văn Minh	0001080	22/41	22/11/2023	30.000	400	1108	6	30.000	122	
2	Hồ Thị Cúc	0001079	22/41	22/11/2023	40.000	614			40.000	120	
3	Cù Văn Công	0001076	22/41	22/11/2023	20.000	314	1003	6	20.000	118	
4	Nguyễn Thị Băng Tâm	0001078	22/41	22/11/2023	150.000	545			150.000	121	
5	Cù Thị Sự	0001077	22/41	22/11/2023	200.000	580			200.000	119	
6	Võ Lập	0001082	22/41	22/11/2023	20.000	674			20.000	123	
7	Phạm Thanh Xuân	0001083	22/41	22/11/2023	200.000	223	1696	6	200.000	125	
8	Bùi Thị Lê	0001081	22/41	22/11/2023	50.000	470	1071	6	50.000	124	

TT	Họ và tên	Số seri	Quyền số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Số hợp đồng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
9	Tăng Thị Lệ	0001075	22/41	22/11/2023	50.000	700			50.000	117	
VIII	TỔ 4 - CHỈ TRUNG				4.530.000	14.063	48				
1	Nguyễn Thị Tri	0001084	22/41	23/11/2023	30.000	350	1746	6	30.000	126	
2	Nguyễn Thị Một	0001086	22/41	23/11/2023	300.000	495	1963	6	300.000	128	
3	Nguyễn Thị Kim Loan	0001089	22/41	23/11/2023	20.000	490	1294	6	20.000	127	
4	Nguyễn Thị Kim Loan	0001085	22/41	23/11/2023	200.000	300			200.000	131	
5	Nguyễn Kim	0001087	22/41	23/11/2023	30.000	300	2213	6	30.000	129	
6	Nguyễn Kim	0001087	22/41	23/11/2023	100.000	650	2247;2248	6	100.000		
7	Ngô Thị Phạn	0001088	22/41	23/11/2023	310.000	674			310.000	130	
8	Phạm Thị Quyết	0001090	22/41	23/11/2023	20.000	120	2248	6	20.000	132	
9	Huỳnh Ngọc Tùng	0001091	22/41	23/11/2023	20.000	170	2131	6	20.000	133	
10	Huỳnh Ngọc Tùng	0001091	22/41	23/11/2023	20.000	500	1675	5	20.000		
11	Nguyễn Tư	0001092	22/41	23/11/2023	50.000	500	1542	5	50.000	134	
12	Nguyễn Tư	0001092	22/41	23/11/2023	20.000	700	1574	5	20.000		
13	Nguyễn Tư	0001092	22/41	23/11/2023	300.000	600	1995	5	300.000		
14	Trần Thị Thuỷ	0001093	22/41	23/11/2023	200.000	410	2212	6	200.000	135	
15	Trần Thị Thuỷ	0001093	22/41	23/11/2023	150.000	400	1830	5	150.000		
16	Phạm Văn Ngọc	0001096	22/41	23/11/2023	50.000	450	2135	6	50.000	138	
17	Phạm Thanh Nhật	0001094	22/41	23/11/2023	30.000	416	1872	5	30.000	136	
18	Phạm Thanh Nhật	0001094	22/41	23/11/2023	50.000	350	1872	5	50000		

TT	Họ và tên	Số seri	Quyên số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Số hợp đồng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
19	Huỳnh Lương	0001095	22/41	23/11/2023	30.000	410	1619	5	30.000	137	
20	Huỳnh Lương	0001095	22/41	23/11/2023	10.000	300	1878	5	10.000		
21	Lâm Ngọc Nguyệt	0001097	22/41	23/11/2023	20.000	150	1619	5	20.000	139	
22	Lâm Ngọc Nguyệt	0001097	22/41	23/11/2023	20.000	270	2240	6	20.000		
23	Nguyễn Bình	0001098	22/41	23/11/2023	750.000	770	1996		750.000	140	
24	Nguyễn Thị Tùng	0001100	22/41	23/11/2023	50.000	350	1595	6	50.000	142	
25	Nguyễn Thị Tùng	0001100	22/41	23/11/2023	20.000	400	1596	6	20.000		
26	Nguyễn Thị Tùng	0001100	22/41	23/11/2023	100.000	1000	1855	5	100.000		Phụ nữ
27	Nguyễn Thị Tùng (Thức)	0001099	22/41	23/11/2023	650.000	400	1678	6	650.000	141	
28	Phạm Tấn	0001101	23/41	23/11/2023	20.000	500	1721	5	20.000	143	
29	Phạm Tấn	0001101	23/41	23/11/2023	200.000	638	1911	5	200.000		
30	Nguyễn Thị Dụn	0001102	23/41	23/11/2023	10.000	500	2022	5	10.000	144	
31	Nguyễn Thị Vương	0001103	23/41	23/11/2023	100.000	500	1989	5	100.000	145	
32	Huỳnh Ngọc Quang	0001104	23/41	23/11/2023	50.000	300	2009	5	50.000	146	
33	Nguyễn Thị Nhựt	0001105	23/41	23/11/2023	10.000	400	2004	5	10.000	147	
34	Đỗ Hữu Vân	0001106	23/41	23/11/2023	50.000	410	1994	5	50.000	148	
35	Phạm Thọ	0001108	23/41	23/11/2023	20.000	300	16	1	20.000	150	
36	Phạm Thọ	0001108	23/41	23/11/2023	20.000	500	2100	5	20.000		
37	Nguyễn Thị Toàn	0001107	23/41	23/11/2023	20.000	500	2100+2102	5	20.000	149	
38	Lộ Ngọc Quang	0001109	23/41	23/11/2023	100.000	520	1833	5	100.000	151	

TT	Họ và tên	Số seri	Quyên số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Số hợp đồng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
39	Trần Ngọc Lê	0001110	23/41	23/11/2023	100.000	600	2093	5	100.000	152	
40	Huỳnh Trương	0001111	23/41	23/11/2023	60.000	460	2094	5	60.000	153	
41	Nguyễn Tài	0001112	23/41	23/11/2023	20.000	278	2098	5	20.000	154	
42	Trần Văn Hạ	0001113	23/41	23/11/2023	100.000	1000	1159	6	100.000	155	Nông dân
43	Lê Thị Lan	0001114	23/41	23/11/2023	100.000	1000	1130, 1131,	6	100.000	156	cao tuổi
IX	XÓM MỚI - PHÚ LỄ 2				730.000	6.902	19				
1	Võ Công Bốn	0001115	23/41	23/11/2023	30.000	400	664	4	30.000	157	
2	Võ Công Bốn	0001115	23/41	23/11/2023	100.000	450	660	4	100.000	157	
3	Tăng Thị Thuật	0001119	23/41	23/11/2023	120.000	500	661	3	120.000	161	
4	Cù Minh Sơn	0001116	23/41	23/11/2023	50.000	420	643	4	50.000	158	
5	Cù Minh Sơn	0001116	23/41	23/11/2023	30.000	534	401	15	30.000	158	
6	Bùi Hùng	0001117	23/41	23/11/2023	30.000	400	648	15	30.000	159	
7	Nguyễn Đức	0001118	23/41	23/11/2023	30.000	400	583	15	30.000	160	
8	Phạm Đồng	0001122	23/41	23/11/2023	30.000	400	554	15	30.000	164	
9	Bùi Liên	0001123	23/41	23/11/2023	30.000	400	498	15	30.000	165	
10	Đinh Hương	0001124	23/41	23/11/2023	50.000	400+350	499	15	50.000	166	

TT	Họ và tên	Số seri	Quyên số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Số hợp đồng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
11	Nguyễn Tài	0001125	23/41	23/11/2023	30.000	500	500	15	30.000	167	
12	Hồ Thuỷ	0001126	23/41	23/11/2023	30.000	500	500	15	30.000	168	
13	Nguyễn Thị Tàu	0001127	23/41	23/11/2023	20.000	300	63	14	20.000	169	
14	Võ Thị Hà	0001128	23/41	23/11/2023	20.000	260	496+497	15	20.000	170	
15	Hồ Văn Trường	0001129	23/41	23/11/2023	40.000	200	342	15	40.000	171	
16	Bùi Văn Nhung	0001121	23/41	23/11/2023	30.000	538	417	15	30.000	163	
17	Huỳnh Ngọc Mẫn	0001120	23/41	23/11/2023	30.000	200	416	15	30.000	162	
18	Phạm Quyền	0001130	23/41	23/11/2023	30.000	500			30.000	172	
X	XÓM 4 - TIỀN ĐÀO				2.270.000	13.400	20				
1	Trịnh Văn Đồng	0001131	23/41	23/11/2023	200.000	800	1536	21	200.000	174	
2	Nguyễn Dũng	0001139	23/41	23/11/2023	200.000	800	1676	16	200.000	181	
3	Nguyễn Dũng	0001139	23/41	23/11/2023	150.000	800			150.000	181	
4	Nguyễn Dũng	0001139	23/41	23/11/2023	350.000	2000	1642	16	350.000	181	
5	Nguyễn Dũng	0001139	23/41	23/11/2023	50.000	500	1268	15	50.000	181	
6	Nguyễn Dũng	0001139	23/41	23/11/2023	100.000	800	1268	15	100.000	181	
7	Nguyễn Dũng	0001139	23/41	23/11/2023	100.000	600	1611	15	100.000	181	

TT	Họ và tên	Số seri	Quyên số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Số hợp đồng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
8	Nguyễn Dũng	0001139	23/41	23/11/2023	50.000	400	1643	16	50.000	181	
9	Nguyễn Dũng	0001139	23/41	23/11/2023	150.000	550	1059,1088,1090	20	150.000	181	
10	Nguyễn Dũng	0001139	23/41	23/11/2023	250.000	250	1671	16	250.000	181	
11	Nguyễn Văn Hoa	0001132	23/41	23/11/2023	100.000	600	1611	16	100.000	175	
12	Nguyễn Duy Hải	0001133	23/41	23/11/2023	150.000	600			150.000	176	
13	Phạm Ngọc Anh	0001134	23/41	23/11/2023	20.000	400			20.000	177	
14	Nguyễn Thị Liên	0001137	23/41	23/11/2023	50.000	400			50.000	180	
15	Trần Thị Quỳnh Thơ	0001136	23/41	23/11/2023	100.000	1200	72	16	100.000	179	
16	Phạm Ngọc Anh	0001134	23/41	23/11/2023	100.000	1500	3	21	100.000	177	
17	Nguyễn Duy Hải	0001133	23/41	23/11/2023	100.000	800	7	21	100.000	176	
18	Lê Thị Hồng	0001134	23/41	23/11/2023	50.000	400	7	21	50.000	178	
XI	XÓM 3 - TIỀN ĐÀO				300.000	1.553	3				
1	Phụ nữ - Phan Thị Bích	0001140	23/41	23/11/2023	100.000	600	2382	22	100.000	183	
2	Cao tuổi - Lương Thái	0001139	23/41	23/11/2023	100.000	451	1059	18	100.000	182	
3	Nông dân - Nguyễn Ân	0001141	23/41	23/11/2023	100.000	502	1236	18	100.000	184	
XII	XÓM 2 - TIỀN ĐÀO				3.020.000	10.350	17				

TT	Họ và tên	Số seri	Quyên số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Số hợp đồng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Nguyễn Tấn Thành	0001143	23/41	23/11/2023	600.000	3600	559+560	18	600.000	186	
2	Nguyễn Văn Tính	0001144	23/41	23/11/2023	50.000	700	1516+1517	15	50.000	187	
3	Nguyễn Văn Tính	0001144	23/41	23/11/2023	140.000	500	67	18	140.000	187	
4	Nguyễn Tấn Thành	0001143	23/41	23/11/2023	300.000	800	1514+1515	15	300.000	186	
5	Nguyễn Thị Pháp	0001145	23/41	23/11/2023	200.000	900	855	18	200.000	188	
6	Nguyễn Thu	0001146	23/41	23/11/2023	30.000	400	875	18	30.000	189	
7	Trần Thị Hà	0001147	23/41	23/11/2023	100.000	500	693	18	100.000	190	
8	Tô Thị Thuý	0001142	23/41	23/11/2023	500.000	600	561	18	500.000	185	
9	Nguyễn Tấn Thành	0001143	23/41	23/11/2023	600.000	600	822	18	600.000	1986	
10	Võ Thị Yến	0001148	23/41	23/11/2023	100.000	300	515	18	100.000	191	
11	Lê Thị Thắm	0001149	23/41	23/11/2023	200.000	250	515	18	200.000	192	
12	Nguyễn Thu	0001146	23/41	23/11/2023	50.000	400	903	18	50.000	189	
13	Nguyễn Văn Tính	0001144	23/41	23/11/2023	100.000	400	1516+1517	15	100.000	187	
14	Nguyễn Thị Pháp	0001145	23/41	23/11/2023	50.000	400	856	18	50.000	188	
XIII	XÓM 5 - TÂY THUẬN				2.570.000	12.250	36				
1	Nguyễn Thị Viện	0001151	24/41	23/11/2023	30.000	400	308	20	30.000	194	
2	Nguyễn Lâm	0001152	24/41	23/11/2023	20.000	500	269	20	20.000	193	

TT	Họ và tên	Số seri	Quyên số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Số hợp đồng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
3	Nguyễn Lâm	0001152	24/41	23/11/2023	100.000	400	358	20	100.000		
4	Nguyễn Thị Hoang	0001153	24/41	23/11/2023	20.000	400	166+251	20	20.000	195	
5	Nguyễn Thị Hoang	0001153	24/41	23/11/2023	20.000	800	818	20	20.000		
6	Lê Hữu Trí	0001154	24/41	23/11/2023	200.000	400	1761	20	200.000	196	
7	Lê Hữu Trí	0001154	24/41	23/11/2023	100.000	400	1762	15	100.000		
8	Lê Hữu Trí	0001154	24/41	23/11/2023	50.000	200	1894+1895	20	50.000		
9	Huỳnh Thị Lệ	0001155	24/41	23/11/2023	100.000	400	353	20	100.000	197	
10	Phạm Trọng	0001156	24/41	23/11/2023	100.000	400	351	20	100.000	198	
11	Huỳnh Đình Liêm	0001157	24/41	23/11/2023	150.000	500	221+222+223	20	150.000	199	
12	Võ Văn Vân	0001158	24/41	23/11/2023	50.000	400	147	20	50.000	200	
13	Đặng Đức	0001159	24/41	23/11/2023	50.000	400	1890	20	50.000	201	
14	Huỳnh Luỹ	0001160	24/41	23/11/2023	100.000	600	148	20	100.000	202	
15	Trần Hiệp	0001161	24/41	23/11/2023	50.000	300	185	20	50.000	203	
16	Huỳnh Triển	0001162	24/41	23/11/2023	420.000	1300	15+1506+1507	20	420.000	204	
17	Nguyễn Tường	0001163	24/41	23/11/2023	50.000	200	351	20	50.000	205	
18	Huỳnh Dung	0001164	24/41	23/11/2023	50.000	200	932	20	50.000	206	
19	Huỳnh Dung	0001164	24/41	23/11/2023	50.000	500	1751	20	50.000		

TT	Họ và tên	Số seri	Quyên số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Số hợp đồng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
20	Võ Minh Vương	0001165	24/41	23/11/2023	100.000	300	445	20	100.000	207	
21	Đặng Văn Quế (Vỹ)	0001166	24/41	23/11/2023	80.000	250	444	20	80.000	208	
22	Nguyễn Văn Hoà	0001168	24/41	23/11/2023	150.000	500	443	20	150.000	210	
23	Lê Tấn Việt	0001169	24/41	23/11/2023	100.000	300	370	21	100.000	214	
24	Lê Tấn Việt	0001169	24/41	23/11/2023	50.000	200	370	21	50.000		
25	Lê Tấn Việt	0001169	24/41	23/11/2023	100.000	400	1789	21	100.000		
26	Nguyễn Thanh Cẩm	0001167	24/41	23/11/2023	80.000	600	1791	21	80.000	209	
27	Nguyễn Thanh Cẩm	0001167	24/41	23/11/2023	50.000	200	121	20	50.000		
28	Nguyễn Văn Bình	0001170	24/41	23/11/2023	100.000	400	1790	21	100.000	212	
29	Huỳnh Nội	0001171	24/41	23/11/2023	50.000	400	1286+1287	21	50.000	213	
XIV	XÓM MỚI - TÂY THUẬN				7.375.000	41.689	76				
1	Lê Thuỷ	0001172	24/41	23/11/2023	77.000	774	357	14	77.000	214	
2	Nguyễn Thị Quá	0001191	24/41	23/11/2023	95.000	623	441	14	95.000	232	
3	Nguyễn Thị Quá					324	486	14			
4	Phạm Toàn	0001173	24/41	23/11/2023	35.000	349	337	14	35.000	215	
5	Nguyễn Tấn	0001173	24/41	23/11/2023	160.000	564	158+535	14	160.000	216	
6	Nguyễn Tấn					429	419	14			

TT	Họ và tên	Số seri	Quyên số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Số hợp đồng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
7	Nguyễn Tấn					360	484	14			
8	Lê Minh Hải	0001196	24/41	23/11/2023	60.000	601	127	14	60.000	237	
9	Trịnh Phú Cường	0001176	24/41	23/11/2023	75.000	403	414	14	75.000	218	
10	Trịnh Phú Cường					361	453	14			
11	Nguyễn Văn Ninh	0001177	24/41	23/11/2023	180.000	273	533	14	180.000	239	
12	Nguyễn Văn Ninh					513	269+508	14			
13	Nguyễn Văn Ninh					1014	178+179+180+216	14			
14	Bùi Văn Phong	0001178	24/41	23/11/2023	40.000	174	362	14	40.000	219	
15	Bùi Văn Phong					215	167	14			
16	Bùi Văn Phong	0001178	24/41	23/11/2023	30.000	275	121	14	30.000		
17	Bùi Văn Phong	0001178	24/41	23/11/2023	25.000	270	128	14	25.000		
18	Huỳnh Đình Nguyên	0001179	24/41	23/11/2023	40.000	170	137	14	40.000	220	
19	Huỳnh Đình Nguyên					181	359	14			
20	Tạ Đình Trường	0001180	24/41	23/11/2023	230.000	551	152+153	14	230.000	221	
21	Tạ Đình Trường					521	154+159	14			
22	Tạ Đình Trường					316	412+462	14			

TT	Họ và tên	Số seri	Quyên số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Số hợp đồng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
23	Tạ Đình Trường					925	532	14			
24	Tạ Đình Trường	0001180	24/41	23/11/2023	40.000	418	479	14	40.000		
25	Tạ Đình Trường	0001180	24/41	23/11/2023	65.000	645	408+447	14	65.000		
26	Nguyễn Thị Mỹ (Hữu)	0001181	24/41	23/11/2023	50.000	545			50.000	222	
27	Lê Văn Hải	0001174	24/41	23/11/2023	125.000	639	215+374	14	125.000	217	
28	Lê Văn Hải					596	548	14			
29	Lê Minh Hiền	0001182	24/41	23/11/2023	205.000	380	368+417	14	205.000	223	
30	Lê Minh Hiền					361	505	14			
31	Lê Minh Hiền					1320	550	14			
24	Lê Minh Hiền	0001182	24/41	23/11/2023	30.000	342	551	14	30.000		
32	Bùi Thự	0001183	24/41	23/11/2023	95.000	384	117	14	95.000	224	
33	Bùi Thự					580	415	14			
34	Nguyễn Thị Cúc	0001184	24/41	23/11/2023	75.000	337	444+369	14	75.000	225	
35	Nguyễn Thị Cúc					379	175	14			
26	Trịnh Toàn	0001185	24/41	23/11/2023	145.000	1174	372	14	145.000	226	
27	Trịnh Toàn					268	411	14			

TT	Họ và tên	Số seri	Quyên số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Số hợp đồng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
28	Phạm Hùng	0001186	24/41	23/11/2023	130.000	258	413	14	130.000	227	
29	Phạm Hùng					229	416	14			
30	Phạm Hùng					814	488+489	14			
31	Trịnh Tùng	0001187	24/41	23/11/2023	40.000	377	261	14	40.000	228	
32	Nguyễn Sửu	0002626	53/44	30/11/2023	60.000	330	140	14	60.000	215a	
33	Nguyễn Sửu					254	155	14			
34	Nguyễn Công	0001188	24/41	23/11/2023	40.000	388	199	14	40.000	229	
35	Nguyễn Thê	0001197	24/41	23/11/2023	100.000	668	534	14	100.000	238	
36	Nguyễn Thê					330	393+394	14			
37	Phạm Minh Thương (Ngọc)	0001189	24/41	23/11/2023	90.000	432	563	14	90.000	230	
38	Phạm Minh Thương					451	564	14			
39	Nguyễn Đức	0001190	24/41	23/11/2023	145.000	790	529	14	145.000	231	
40	Nguyễn Đức					635	530	14			
17	Nguyễn Dân	0001192	24/41	23/11/2023	135.000	231	443	14	135.000	233	
18	Nguyễn Dân					390	463	14			
19	Nguyễn Dân					337	531	14			

TT	Họ và tên	Số seri	Quyên số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Số hợp đồng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
20	Nguyễn Dân					379	549	14			
21	Trịnh Thị Thu Năm (Châu)	0001195	24/41	23/11/2023	75.000	757	547	14	75.000	236	
22	Lê Thị Xử	0001193	24/41	23/11/2023	120.000	574	358	14	120.000	234	
23	Lê Thị Xử					331	239	14			
18	Lê Thị Xử					247	339	14			
19	Phạm Thị Loan	0001194	24/41	23/11/2023	55.000	210	121	14	55.000	235	
20	Phạm Thị Loan					329	138	14			
21	Phan Lê	0002627	53/44	30/11/2023	148.000	294	363	14	148.000	216a	
22	Phan Lê					265	445+510	14			
23	Phan Lê					926	481+485	14			

TT	Họ và tên	Số seri	Quyên số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Số hợp đồng	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
24	Phan Thanh Hoàng	0002625	53/44	30/11/2023	3.360.000	11.909	59;70;71;72;73;74;75;99;100;101;102;103;104;105;106;115;116;117;118;119;120;141,142,143,144	29	3.360.000		29/11/2023-29/11/2025
25	Bùi Văn Thắng	0001001	21/30	06/09/2023	1.000.000				1.000.000		
TỔNG CỘNG					35.555.000	186.548	425				

PHỤ LỤC 06.1

BẢNG KÊ DIỆN TÍCH ĐẤT CÔNG ÍCH CHO CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ THUÊ
CỦA UBND XÃ BÌNH TRUNG GIẢI ĐOẠN 2023 - 2025

(Kèm theo Kết luận thanh tra số/KL-TTH ngày/...../2025 của Chánh thanh tra huyện)

TT	Họ và tên	Số seri	Quyền số/Phiếu thu	Ngày tháng năm	Số tiền	Diện tích (M2)	Thửa đất số	tờ bản đồ	Giá trúng	Số hợp đồng	Ghi chú
1	Phu nữ - Trần Thị Mỹ Hạnh	0000334	07/41	22/11/2023	10.000	750			10.000	78	Có HĐ có thu tiền
2	Cao tuổi - Cao Văn Phường	0000346	07/41	22/11/2023	20.000	1.000			20.000	90	Có HĐ có thu tiền
3	Nông dân - Cù Minh Hoà	0000349	07/41	22/11/2023	10.000	500			10.000	94	Có HĐ có thu tiền
4	Phụ nữ - Nguyễn Thị Tùng	0001100	22/41	23/11/2023	100.000	1.000	1855	5	100.000	142	Có HĐ có thu tiền
5	Nông dân - Trần Văn Hạ	0001113	23/41	23/11/2023	100.000	1.000	1159	6	100.000	155	Có HĐ có thu tiền
6	Cao tuổi - Lê Thị Lan	0001114	23/41	23/11/2023	100.000	1.000	1130, 1131, 1160.	6	100.000	156	Có HĐ có thu tiền
7	Phụ nữ - Phan Thị Bích	0001140	23/41	23/11/2023	100.000	600	229	22	100.000	183	Có HĐ có thu tiền
8	Cao tuổi - Lương Thái	0001139	23/41	23/11/2023	100.000	300			100.000	182	Có HĐ có thu tiền
9	Nông dân - Nguyễn Ân	0001141	23/41	23/11/2023	100.000	500	1236	18	100.000	184	Có HĐ có thu tiền
	TỔNG CỘNG				640.000	6.650					